

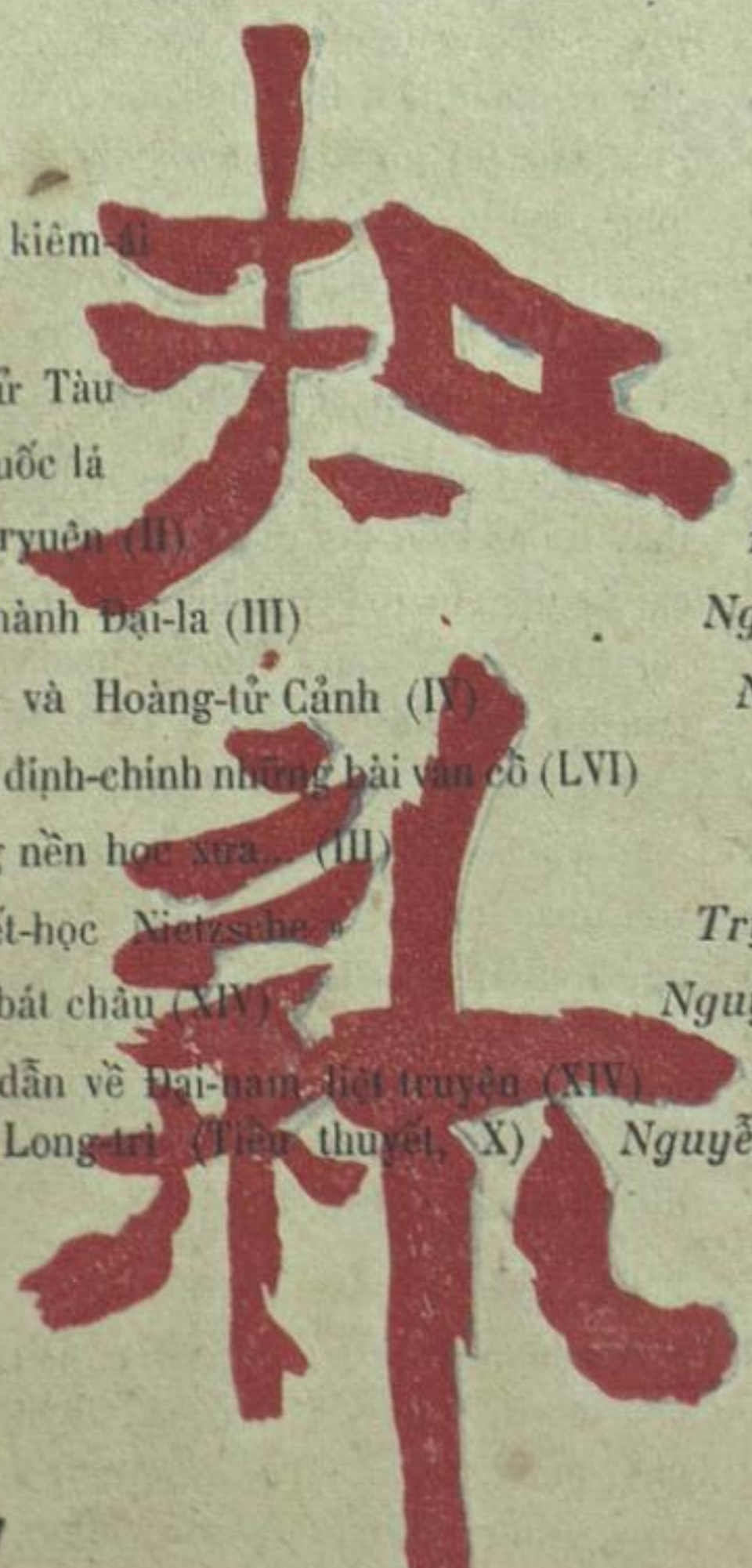
TRITÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in : 70, phố Bạch-Mai

Ty trị-sự : 195, phố Hàng Bông — Hanoi

TRONG SỐ NÀY :

- 
- * Chủ nghĩa kiêm-ái *Hoa-Bằng*
 - * Tùy hứng *Trực-Thần*
 - * Khảo về sử Tàu *Ứng-Hòa*
 - * Lịch-sử thuốc lá *Lê-văn-Ngôn*
 - * Hoa-tiên-truyền (II) *Đào-duy-Anh*
 - * Vết tích thành Đại-la (III) *Nguyễn-văn-Tổ*
 - * Bà-đa-Lộc và Hoàng-tử Cảnh (IV) *Nguyễn Triệu*
 - * Tài liệu đề đình-chính những bài văn cổ (LVI) *Ứng-Hòa*
 - * Tình trạng nền học xưa... (III) *Nhật-Nham*
 - * Đọc « Triết-học Nietzsche » *Trịnh-như-Nghê*
 - * Nam-dân bát châu (XIV) *Nguyễn-dôn-Phục*
 - * Bản sách dẫn về Đại-nam-diệt-truyền (XIV) *Lê-văn-Phúc*
 - * Đêm hội Long-trì (Tiểu thuyết, X) *Nguyễn-huy-Tướng*

Triết-nhân Đông-phương: Mặc-tử

CHỦ-NGHĨA KIÊM-ÁI

HOA-BẢNG

TRƯỚC khi học thuyết Mặc-tử ra đời, đã có hai học-phái chiếm thế lực trong tư-tưởng giới Trung-quốc, ấy là phái Lão và phái Nho. Phái Lão thì giàu về mặt suy-nghĩ và biện-luận trong phạm-vi triết-học, phái Nho thì cham phát-huy cái đặc-sắc của luân-lý đạo-dức.

Nhưng lưu-tệ của phái trước là đưa người vào chỗ yếm thế, không thiết lam gì (vô vi); lưu-tệ của phái sau là buộc người ở chỗ lễ-nghĩ nhỏ-nhất vụn-vặt.

Mặc-tử, một nhân-cách tối cao, một triết-nhân nói sao làm vậy, đứng trước cái hoàn-cảnh xã-hội như tôi đã nói trong một bài trước, sao khỏi không nảy ra một sức phản-động vô cùng mạnh-mẽ, đề-đương đầu với các học-phái kia. Vì vậy, trong cõi tinh-thần nước Tàu hồi đầu Chiến-quốc mới thành ra cái thế tam-phân: Lão, Nho và Mặc.

Đành rằng cái đại-tư-tưởng bác-ái, hòa-bình ấy của Mặc-Địch một phần là do trạng-thái tâm-lý cá-nhân của Mặc-tử, nhưng cơ-lớn không phải không do hoàn-cảnh đương-thời đã tạo-nên.

Cốt-tủy của tư-tưởng Mặc-tử là gì?

Là chủ-nghĩa **kiêm-ái**.

Các giáo-chủ trên thế-giới suốt đời tận tụy, vào tử-ra sinh tuyên-trương đạo-lý, thật không ngoài hai chữ « yêu đời ».

Phật-giáo nói: « Không độ được hết chúng-sinh thì nguyện không thành Phật ».

Gia-giáo nói: « Kẻ thù mình có đói, hãy cho ăn; có khát, hãy cho uống ».

Cũng một ý đó, nhưng muốn cho xã-hội phát-triển trong vòng làm lợi lẫn nhau, Mặc-tử đề-xướng chủ-nghĩa kiêm-ái.

Nguyên-tắc ấy thật ám-hợp với ý « phải độ » của đạo Phật và nghĩa « yêu thương » của đạo Gia. Nhưng cái động-cơ bác-ái của Mặc có khác với hai đạo này. Vì Phật, Gia thì từ tấm thiện-niệm và lòng từ-bi thuận-lũy; còn Mặc, chẳng nhiều thì ít, hãy còn có chỗ công-lợi, công-lợi vì thiên-hạ, chứ không phải vì cá-nhân.

Ý Mặc-tử muốn rửa sạch hết thảy tội ác trên đời, bài-trừ những cái tư-dục, tư-lợi của loài người, rồi thay vào đó cái « yêu lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau »: « Phàm những cái tai-vạ, giết-cướp, oán-giận trong thiên-hạ... đều vì không yêu nhau mà sinh-ra. Bởi vậy, người nhân-giả chớ sợ đó. Đã sợ đó thì lấy gì thay thế vào đây?... Lấy cái phép *cùng yêu lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau* » (trích dịch thiên *Kiểm-ái-trung*).

Cái « yêu » của Mặc-tử là cái « yêu bình-dẳng »: coi đấng thân của người cũng như đấng thân của mình, thân-thể của người cũng như thân-thể của mình,

không hề phân-biệt một tơ-lóc gì cả.

Mặc-tử cắt nghĩa cái cơ-thiên hạ sở dĩ loạn là vì ai nấy đồ-xỏ về mặt tư-dục, nò-tối trong vòng chỉ biết riêng lợi cho mình, chứ không biết yêu-nhau và làm lợi lẫn cho nhau;

«...Từng xét cái cơ: tại sao sinh-loạn? Là vì không yêu-nhau mà ra... Con yêu mình, không yêu cha, nên mới làm thiệt cha mà làm lợi cho mình, em yêu mình, không yêu anh, nên mới làm thiệt anh mà làm lợi cho mình; bây tôi yêu mình, không yêu vua, nên mới làm thiệt vua mà làm lợi cho mình... Dẫu đến cha chẳng thương con, anh chẳng thương em, vua chẳng thương bầy tôi... cũng bởi sự không yêu-nhau mà ra cả... Kẻ trộm yêu nhà mình, không yêu nhà khác, nên mới lấy trộm của nhà khác để lợi nhà mình. Kẻ cướp yêu thân mình, không yêu người khác, nên mới hại người khác để lợi thân mình... Các đại-phú, ai cũng yêu nhà mình, không yêu nhà khác, nên mới làm loạn nhà khác để lợi nhà mình. Các nước hầu, nước nào cũng yêu nước mình, không yêu nước khác, nên mới đánh nước khác để lợi nước mình » (trích dịch thiên *Kiểm-ái-thượng*).

Muốn cho thiên-hạ khỏi những tai-vạ, cướp giết và oán-giận, thì chỉ có sự « yêu-nhau » là con đường duy-nhất để đi đến cái đích

hạnh-phúc: «...chư-hầu yêu nhau thì không dã-chiến; gia-chủ yêu nhau thì không đánh cướp nhau; người này và người khác yêu nhau thì không làm hại nhau; vua tôi yêu nhau thì quân huệ, thần trung; cha con yêu nhau thì phụ tử, tử hiếu; anh em yêu nhau thì huynh đệ hòa-thuận. Người trong thiên-hạ đều yêu nhau thì khỏe không bắt nạt yếu, nhiều không ăn hiếp ít, giàu không khinh nghèo, sang không ngạo hèn, xảo trá không lừa gạt ngu dốt. Phàm những tai-vạ, cướp giết và oán hận trong thiên-hạ có thể vằm cho không ló lên được, là do sự yêu nhau mà sinh ra...» (trích dịch thiên Kiêm ái trung).

Chủ-nghĩa kiêu-ái của Mặc-tử cốt-yếu ở mấy chữ này: «kiêu tương ái, giao tương lợi», nghĩa là «yêu lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau». Có yêu lẫn nhau, mới làm lợi lẫn cho nhau; có làm lợi lẫn cho nhau, mới tỏ ra thực-hành được cái lý-luận yêu lẫn nhau ấy.

Một khi người đời đã yêu lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau, thì ai nấy bỏ lòng tự lợi tự tư, thực-hành cái ý lợi tha, vị tha, khiến cho chủ-nghĩa hỗ trợ được sáng tỏ trong xã-hội, sẽ đi được đến cái kết quả đẹp là thiên-hạ bình.

«...Còn có trộm cướp ư? Cõi nhà của người cũng như nhà của mình, ai còn lấy cắp? Cõi thân-thể của người cũng như thân-thể

của mình, ai còn làm hại? Vậy nên trộm cướp sẽ không có. Còn có hạng đại phu làm loạn nhà nhau, hạng chư hầu đánh nước nhau ư? Cõi nhà người cũng như nhà mình, ai còn làm loạn?

nhà với nhà không làm loạn nhau, trộm cướp không có, vua, tôi, cha, con đều biết hiếu từ, thì thiên-hạ sẽ bình trị. Cho nên thanh nhân đã làm việc trị thiên hạ, há lại không ngan tâm điều ghê

nhau, khuyến-khích sự yêu nhau? Vậy, thiên hạ yêu lẫn nhau thì trị, ghê lẫn nhau thì loạn...» (trích dịch thiên Kiêm ái trung).

Đề cương thực công hiệu của chủ-nghĩa kiêu-ái ấy, Mặc-tử dùng phép quí-nạp, đan-tiền-sư làm lộ, tỏ rằng hiền vương đời xưa biết thực hành cái đạo kiêu-ái thì há được nhưng kết quả tốt đẹp biết bao! Chẳng hạn như vua Hạ-vũ giàu lòng yêu, có cái tình-thần làm lợi chung cho thiên hạ; vua Văn-vương khi cai trị đất Kỳ, rộng yêu nhân dân, không cậy lon mà hiếp đáp nhỏ, nên chính-trị tốt của hai vua ấy đã làm cho người ta được yên vui ấp-ủ dưới «cánh» yêu thương; hạng già hiem-hoi cũng được tuyền-vận tuổi thọ, hạng cô-cút không anh em cũng được có cơm ăn việc làm; hạng trẻ thơ không mẹ cha cũng được gìn-giữ săn-sóc cho song...

Như vậy, chủ-nghĩa kiêu-ái theo Mặc-tử — không phải viển vông, xa thực tế.

TUY HÙNG

TIẾC HOA

*Có lẽ chiều mai nắng bớt vàng,
Chiều mai cơn gió bớt mơn-man.
Rồi hoa lẫn rụng — hồn tan tác —
Cánh úa thắm gieo khắp nẻo đàng.*

*Không biết ai còn tưởng đến hoa
Lạnh tình, chết ý: rã thời mơ?
Trong-vòng sương gió âm-thầm tủi,
Hoa chắt chùng hoa, xác ngập mờ!*

*Cứ một mùa xuân bớt một loài
Hoa thơm, hoa thắm của trần-ai!
Lần lần hoa đẹp rơi tầm-tã,
Vườn vắng, cảnh trơ nặng cảm hoài.*

*Tôi biết làm sao giữ được hoa
Cho hương đừng lạt, cánh đừng sa?
Nếu ngày kia sẽ không hương phấn,
Thì ý, tình thơ hết đậm đà!*

TRỰC-THẦN

Cõi nước người cũng như nước mình, ai còn đánh-chác? Cho nên việc đại-phu loạn nhà nhau, chư-hầu đánh nước nhau sẽ không có. Giá thử thiên-hạ yêu lẫn nhau, nước với nước không đánh nhau,

HOA BÀNG

KHẢO VỀ SỬ TÀU

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

Nước ta, từ xưa đến nay, việc gì cũng theo Tàu, cho nên trong thời kỳ học nho, học-trò phải học quyền « Sử đầu » (cũng có khi gọi là Sử thượng, chép từ đời Bàn-cổ đến Hạ, Thương, Chu), rồi học đến quyền « Hán Cao-lỗ ». Học hết mấy quyền sử Tàu, rồi mới học đến Tứ thư, Ngũ kinh. Đến kỳ thi quan trường ra văn-sách, cũng hỏi đến sử Tàu. Thậm chí những việc tầm thường cũng đem người Tàu ra thí-dụ, như chức vua là Nghiêu, Thuấn, khen quan là Phàn-dương vương, nhà có con khá thì ví với cây quế của Yên-sơn, cây hóc của Vương-Hựu, nhà có cháu khá thì ví với Tạ-An và Tạ-Huyền..., toàn là người Tàu, còn người chép trong sử Nam thì không nói tới!

Từ ngày sửa đổi lại việc học, lấy sử Nam thay vào sử Tàu, không mấy người xem đến sử Tàu nữa. Nhưng văn-hóa của Tàu đối với nước ta có ảnh-hưởng sâu-xa; và lại gần đây chính-phủ cho học chữ nho nhiều hơn trước, lại có đặt ra một khoa học cổ-diễn Viễn-dông; vậy thì phải có quyền sử Tàu, quyền văn-hóa Tàu, quyền mỹ-thuật Tàu; những sách ấy mà viết bằng quốc-văn thì chưa có quyền nào cả.

Nay ông Đào-duy-Anh xuất-bản một quyền đề là *Trung-hoa sử-cương*, chép lịch-sử nước Tàu, in khổ giấy 13×19, được 300 trang, in ra có ích lắm. Trong chia ra từng bài ngắn-ngắn, nói tắt dễ hiểu, lại có vẽ phác những bản đồ từng đời một.

Ông Đào-duy-Anh chỉ nói qua về việc lớn trong sử, cho nên ông không nói đến những việc mới tìm thấy ở đất Tàu, từ năm 1928, như việc hội Hán-lâm Trung-hoa (Academia Sinica), chữ nho gọi là « Quốc lập trung-ương nghiên-cứu viện, Lịch-sử ngữ-ngôn nghiên-cứu sở » đào ở An-dương là chỗ kinh-dô nhà Thương về khoảng thiên-niên-kỷ thứ hai trước Thiên-Chúa. Người Tàu đã thuật rõ việc đào ấy trong bốn quyển *An-dương phát-quật báo-cáo*, in năm 1929-1933. Về sau có một người Mỹ tên là H. G. Creel, giáo-sư trường Đại-học Chicago, thuật lại trong một quyển sách đề là *La naissance de la Chine : la période formative de la civilisation chinoise, environ 1400-600 avant J.-C.*, « Gốc tích nước Tàu: thời kỳ lập ra văn-minh Tàu vào khoảng năm 1400 đến năm 600 trước Thiên-Chúa », tức là nói về nhà Thương, nhà Chu.

Người Mỹ này đã được dự vào cuộc đi đào ở An-dương, thấy những mồ mả, tìm được những đồ đồng, đồ đá, đồ xương có chạm chữ cổ: về sau có người Tàu chép lại trong những sách đề là *Ấn Chu thanh - đồng - khí minh - văn nghiên-cứu* (tìm nghĩa những chữ khắc ở những đồ bằng đồng xanh về đời Ân đời Chu) của Quách-mạt-Nhược, in năm 1931; *Giáp-cốt văn biên* (biên chép những chữ khắc ở các đồ bằng xương hoặc ở vỏ cây hay ở mai cứng của các giống vật) do Tôn-Hải-Ba soạn năm 1934.

TRI-TÂN

Về việc đào ở An-dương, thuộc tỉnh Hà-nam, ngoài những chữ cổ, còn tìm được những đồ đồng cổ: các nhà khảo-cổ bên Âu Mỹ khen những đồ đồng ấy khéo hơn đời sau. Nhờ việc đào đó, mà nhiều đồ đồng, xưa nay chưa biết làm từ đời nào, nay có thể quả-quyết là về đời nhà Thương (tức nhà Ân). Lại có một điều lạ hơn nữa, là những đồ bằng đá hoa, chạm nổi hẳn lên như lối chạm đồ đồng: hình người và hình loài vật thì hết lắm.

Quyển sách của ông Creel kể trên kia nói rằng: cứ theo Lịch-sử thì nước Tàu bắt đầu từ Bàn-cổ-Hữu-sào, Toại-nhân, Phục-hy, Thần-nông, Hoàng-đế, Nghiêu, Thuấn, rồi mới đến Hạ, Thương, Chu; trong lại bịa đặt ra như Hữu-sào dạy dân làm lều dề ở, Toại-nhân dạy dân dùi cây lấy lửa, Thần-nông dạy dân làm ruộng, Hoàng-đế dạy dân may quần áo, làm nhà cửa v.v. Lăn lượt trước sau, thì mỗi quyền

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng nên đọc, dầu là người mạnh, người hời yếu, người bị lao.

BINH HO LAO

những phương pháp ngừa lao, săn sóc người phôi yếu và tiếp dưỡng người bị lao
Giá 4\$00

của Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN
TỔNG PHÁT HÀNH:

Hà-nội: Niệm sách Đông-Tây
195 Hàng Bông
Huế: Hiệu sách Văn Hòa
29 Maréchal Pétain
Saigon: Nhà sách Nguyễn-
khánh-Đàm, 12 Rue
Sabourain.

Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng.
Xin hỏi nơi Ông Nguyễn
Khánh-Đàm.

chép một khác : xem như thế, đủ biết là chuyện bịa đặt. Cả đến chuyện vua Nghiêu gả hai con gái cho vua Thuấn và truyền ngôi cho, vua Thuấn lại truyền ngôi cho vua Vũ, cũng không lấy gì làm chắc : một giáo-sư Tàu tên là Cố-hiệt-Cung, tác-giả bộ *Cổ-sử-biến*, cho những ông vua ấy là tự dờn sau đặt ra, chứ xét trong cổ-sử không có.

Đến đời Thương, đời Chu, thì nay tìm được những vết-tích đã nói ở trên, có thể coi là một đoạn sử rõ-ràng, không những ở sách chép, cả đến những vết-tích đào được nữa. Nhưng có sách chép nhà Thương vào năm 1765 đến năm 1123 trước Thiên-Chúa, có sách lại chép vào khoảng năm 1558-1054 trước Thiên-Chúa. Hai lối chép ấy chỉ đồng ý từ năm 841 trước Thiên-Chúa trở xuống. Từ ngày đào được đồ cổ và chữ cổ ở An-duong cũng không biết rõ thêm. Nhưng về văn-minh, chế-độ, tôn-giáo, mỹ-thuật của đời Thương, đời Chu, thì từ nay đã có tài-liệu đích-xác : ai muốn nghiên-cứu, nên theo những sách kể trên kia, cùng những sách của ông Creel đã kê ra cuối sách.

Ứng-Hòa
NGUYỄN-VĂN-TỐ

GIỚI THIỆU.

BÌNH HO LAO của Bác-sĩ Lê-văn-Ngôn là quyển sách rất cần cho các gia-đình, trong mấy thiên bác-sĩ Lê-văn-Ngôn đã cho ta biết những phương-pháp ngừa lao, san sóc người phôi yếu và tiếp dưỡng cho người bị lao.

Thật là một quyển sách rất có ích vì đến đây bệnh lao là một chứng bệnh thuộc về « tư chứng nan y » nên những sách nói về bệnh ấy vẫn có ích cho nền khoa học xứ này.

Sách in đẹp, dày hơn 300 trang do Nguyễn-khánh-Đàm 12 Rue Sahourain Saigon tổng phát hành và hiệu sách Đông-Tây 195 phố hàng Bông Hanoi đứng đại lý.

Tri Tân xin mừng Bác-sĩ Lê-văn-Ngôn đã đem sở học giúp ích cho khoa-học và xin vui lòng giới thiệu quyển « **bình ho lao** » với độc giả thân yêu.

TRUNG-HOA SỬ CƯƠNG (từ thái cổ đến ngày nay) của Đào-duy-Anh, do Quan-Hải từng thư Huế xuất bản. Sách dày 300 trang, in giấy ta, giá 3\$00.

Trung-hoa sử cương ra đời chính là lúc cần vì đến đây các sách

khảo cứu về Trung quốc trừ sách viết bằng chữ Pháp, chữ Hán ra, không còn quyển nào viết bằng quốc văn cả.

Ông Đào-duy-Anh, nhà học giả-chịu khó lưu tâm đến nền học, đã bỏ công bằng cuốn sách trên, từ nay trong tủ sách khảo cứu của ta lại thêm được một quyển sử rất có giá trị.

Tri Tân xin mừng bạn Đào-duy-Anh, chúc bạn thành công trong công việc trước thuật và xin vui lòng giới thiệu « Trung-hoa sử cương » cùng độc giả của tạp chí.

T. T.

Đã có bán :

BA MƯƠI NĂM VĂN HỌC

của MỘC-KHUE giá 1 \$ 35

Hay là cuộc tiến-hóa văn học nước nhà trong vòng ba mươi năm nay

Còn một ít.

LUẬN-TỪNG (1 \$ 50) TRIẾT-HỌC EINSTEIN (2 \$ 30) TRIẾT-HỌC NIETZSCHE (1 \$ 95) TRIẾT-HỌC KANT (1 \$ 50)

Nhà xuất bản **TÂN VIỆT** đã dọn lại
29, LAMBLLOT — HANOI

ĐÃ CÓ BÁN

THI NHÂN VIỆT NAM (1932-1941)

của HOÀI-THANH và HOÀI-CHÂN

In lần thứ hai

HÌNH-ANH MỘT THỜI-ĐẠI ĐỘC NHẤT VÔ NHỊ TRONG THI-CA NƯỚC NHÀ

Hơn 400 trang — gần 40 bức ảnh — Bìa của họa sĩ Nguyễn-đỗ-Cung

Giá bán : Loại thường : 4 \$ 25, loại bouffant hảo hạng : 7 \$, loại versé baroque crème : 20 \$

NGUYỄN-ĐỨC PHIÊN xuất bản

Boite postale 34 Huế

LỊCH-SỬ THUỐC LÁ

của Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGŨN



ÁCH nay không bao lâu, có một ông cố đạo khuyên mấy người đi thám hiểm trong rừng rậm ở Nam Mỹ châu — chỗ mà chưa có ngọn đuốc Van-minh soi tới — đừng quên đem theo ít kilos muối bột và một mớ thuốc lá. Chính ông đã từng «thí nghiệm»: lần khi ông đi lạc vào trong rừng một mình bị phải một giống người vẫy phủ xung quanh mà chỉ trỏ, mà cười tặc tặc, mà nói líu-lang với nhau. Cách an mặc đơn sơ, cái cử chỉ quê mùa mộc mạc của chúng tỏ ra đó là một dân tộc còn dã-man chưa hề hề chơn ra khỏi chốn non cao rừng thẳm. Họ có thể làm hại tánh mạng kẻ đi thám hiểm. Muốn kết tình thân-mật với họ, ông cố đạo cho họ mỗi người một chut muối và một điếu thuốc lá. Chỉ bấy nhiêu, cũng đủ cho chúng tỏ vẻ vui mừng và cảm ơn lắm lắm.

«Trên chót trái đất» (pôle) chỗ mà dân-tộc ở hang tuyết, an cá sống; giữa bãi sa mạc, chỗ mà dân-tộc chỉ có một cái khố thay cho quần áo, đầu đầu thuốc lá cũng có «dễ chơn» đến. Thế là đầu đầu no cũng là bạn thiết của nhân loại từ xưa còn cực kỳ dã-man cho tới xứ cực kỳ van-minh, từ rừi nghèo khổ không có đủ hai an mỗi ngày cho tới người lên quy sông giữa ngọc ngà châu báu. Nó đi chuên thẳng tắp chấp luật đầu cơ nghiêm khắc ở bậc nào. Không có ranh-giới,

nào, thành-lũy nào cản ngạn nó nổi. Một văn-sĩ đã nói khôi hài rằng: «Ta có thể chia nhân loại ra làm hai phe: một phe hút thuốc và một phe không hút thuốc». Bên Âu Mỹ, trên nhiều toa xe lửa và xe điện, có bản đề chữ: «Toa này dành cho người hút thuốc lá». VẬY mà trên xe ấy, trước khi quẹt diêm châm vào đầu điếu thuốc lá, ta đừng quên hỏi người thiếu-phụ lạ ngồi bên cạnh ta: «Xin lỗi cô, khói thuốc lá có làm cô khó chịu chăng?» Tuy nhiên, người thiếu phụ lễ phép trả lời: «Xin ông cứ tự tiện». Ta không thấy cô hút, nhưng biết đâu trong «sắc» (sac) cô lại không có một gói thuốc lá thơm mà ta thường kêu là thuốc «Áng-lê»?...

Phần đông chúng ta đây, tuy không bị nghiện nặng nhưng khi nguồn cảm tới dồi dào hay khi ngồi bút bị «ngệt» viết chẳng ra câu, khi buồn, khi vui, khi làm việc, khi nằm nghỉ... mấy ai lại không đốt một điếu thuốc lá «phi phà» đang dòm theo làn khói tuôn ra cuộn cuộn rồi bay lên tận chốn đầu đầu? Ta làm bạn với thuốc lá đã lâu mà há chẳng có khi ta còn tự hỏi: «bạn» ta từ đâu tới đây?

Đầu có thể cho là thừa, tôi cũng xin nhắc chuyện Christophe Colomb tìm dạng Mỹ-châu. Ngày 29 Octobre 1492, thuyền ông thả neo ở đảo Cuba. Ông ra lệnh cho hai người Y-pha-nho lên thám hiểm trên đất moi tìm dạng. Bốn ngày sau, lại người ấy trở về cho hay, rằng

họ có gặp rất nhiều đàn ông và đàn bà «ngậm trước miệng một cục lửa». Họ lấy một thứ lá quấn cổ khô vào trong rồi đốt một đầu và ngậm một đầu. Họ hít vô rồi phả khói ra và coi mỗi khói lạc làm... Bạn tàu của Christophe Colomb thấy chuyện lạ cũng làm thử, thử nữa, thấy vui vui rồi cứ... thử hoài. Trước sự hăm dọa của nhà chức trách biểu họ bỏ cái thói «dã man» ấy, thần-nhiên họ trả lời rằng: «Thà đừng cho chúng tôi ăn uống, miễn cứ cho phép chúng tôi ngậm mãi cục lửa này».

Lần lần tục hút thuốc lá lan tràn cùng xứ Y-pha-nho. Lần người, ban đầu tỏ vẻ khinh bỉ, trề môi rúng vai, nhưng rốt cuộc, tới ngày họ hút không ngớt miệng.

Bốn năm sau, Romano Pane đi thám hiểm ở Hispaniola về tuyên bố lên rằng cách hút thuốc lá ấy không được «nhã» và không được «dã» lắm. Ông có thấy dạng một cách hút thuốc lá khác «văn minh» hơn. Đề lá thuốc trên một cục than cháy đỏ. Lấy một cái ống mà một đầu có chia ra làm hai nhánh. Nhét hai nhánh ấy vào hai lỗ mũi, còn đầu kia thì kê vào lá thuốc đang cháy đang hít khói vào. Hít một hồi thì thấy lim dim như muốn ngủ, trong mình thấy hồi say, tè mè mè mệt. Rất may là ngày nay chúng ta không dùng cách của Pane đã chỉ, vì với cách ấy, không những ta hút khói thuốc lá, mà ta còn hít luôn cả khói độc do cục than cháy đỏ (oxyde de carbone) mà sanh ra.

Từ Nam Mỹ-châu, nhờ sự giao thông dễ dàng, tới năm 1535, «ông thần khói» đã đi du lịch

khắp cả châu Mỹ. Ngài được hoan nghinh nhiệt liệt đến nỗi có một xứ, khi gặp nhau, người ta chào hỏi bằng câu: « Có thuốc lá, thưa ông, có thuốc lá ngon » và « Nếu không có thuốc lá, thưa ông, thì chúng ta chết hết ».

Năm 1558, thuốc lá vào thăm xứ Portugal (Bồ-đào-nha) và năm 1560 ông Nicot, sứ thần Pháp ở Portugal « ruộc » nó về Ba-lê đang dâng cho Hoàng hậu Catherine de Medicis. Bà Hoàng hậu đem lòng yêu dấu người « khách » mới này và phong cho chức « Cỏ của bà Hoàng-hậu Medicis ». Bà dùng thuốc lá không những để hút mà còn để trị bệnh nhức đầu cho hoàng tử. Ban đầu cả triều thần rồi dần dần mọi người trong xứ, ai ai cũng bắt chước Bà. Thuốc lá thành một dược thảo dùng trị bá chứng, từ những bệnh tim, gan, phổi, cùi, lở loét đến những bệnh...do óc tưởng tượng tạo nên.

Từ đó, ở Âu châu, xứ nào cũng có trồng thuốc lá vì thuốc nhập cảng không đủ cho dân dùng. Người hút thuốc lá càng ngày càng đông. Ngày nay, xứ Hoà-lan là xứ có người hút thuốc lá nhiều hơn hết vì nếu đồ đồng, mỗi người dân mỗi năm hút hơn ba kilos thuốc.

Vậy nên, từ thế kỷ 17 tới thế kỷ 19, bên Âu-châu, hộp đựng thuốc lá (*tabatière*) là một vật rất cần thiết cho người đàn ông sang trọng, cần thiết như bầu áo có ren, dài cao gót và bộ tóc giả uốn quan mà đi đâu họ cũng phải mang theo: Hộp thì có cái làm bằng ốc xa-cừ, có cái bằng vàng, bằng bạc, có cái có nhạu hạt xoăn. Mấy nhà chế tạo đua nhau chế ra trăm ngàn kiểu. Mấy túi áo của vua Frédéric II nước Đức đã hóa thành những « bầu bao »

đựng thuốc. Vị Đại-thần nước Anh là Petersham có cả thấy 365 hộp đựng thay đổi mỗi ngày trong năm: ngày nào hộp này. Ngài nói « lời đình chỉ nộ » nếu người nô bộc coi về việc này dằng lộn cho ngài một hộp thuốc không đúng ngày của nó. Còn Hoàng đế Na-pha-Luân thì dùng thuốc lá nghiền thành bột đựng bít. « Long bào » của Ngài luôn luôn dính thuốc và hôi thuốc. Mỗi khi có cuộc hội họp đang bàn về quốc sự mà bộ óc Ngài phải làm việc nhiều thì mắt Ngài thường dòm qua ngó lại nơi hàng Công Khanh Tề tước. Để thấy vị Đại thần nào ngó Ngài thì Ngài đưa tay mặt ra, ngón trỏ dính với ngón cái. Biết ý Hoàng thượng, vị Đại thần dâng ngay hộp thuốc của mình. « Lịnh Muốn Năm » bên lấy ra một chút đựng dưới và trong khi bàn cãi, Ngài cầm hộp thuốc ấy lan qua lật lại trong tay một hồi rồi vô ý bỏ luôn vào túi của mình. Lắm khi, sau một cuộc hội họp như thế, có tới mười hộp thuốc đã theo cách ấy mà lẫn vào túi Ngài. Bởi thế quan Đại thần nào cũng có ít lắm là hai hộp thuốc: một để dùng thường ngày, một để đem đi châu. Mà hộp sau này làm bằng giấy cứng hay vật rẻ tiền, cốt để dâng cho Hoàng thượng khi nào Ngài hỏi đến.

Tuy sau được trọng dụng như thế, thuốc lá nào phải « thu phục được lòng người » một cách dễ dàng không có chi cản trở.

Bên Đức, năm 1691, ai hút thuốc lá thì bị bêu đầu. Hồi thế kỷ 18, cũng bên ấy, có lệnh ra rằng: « Cha mẹ phải cấm con hút thuốc. Người nào hút nhiều sẽ bị trừng phạt như họ say rượu. Cấm

bán chịu thuốc lá vì Nhà nước không muốn dân vì hút thuốc mà phải mắc nợ ». Nhiều xứ khác cũng có ra luật cấm hút thuốc lá. Đến năm 1849 — nghĩa là tới nay chưa đầy một trăm năm — ở Thụy-sĩ, người nào chưa tới 20 tuổi không được hút thuốc. Kể nào trái lệnh sẽ bị phạt vạ và bị phạt tù. Qua tới năm 1900, luật ấy phải bị bãi bỏ vì nhà chức trách nhận thấy rằng nếu giữ lời cu thì không biết phải cắt thêm bao nhiêu nhà pha nữa cho đủ chỗ chứa tội-nhơn. Vua Gustave III của nước Thụy-điển — có lẽ lúc ấy Thụy-điển là một cường quốc đứng vào bậc nhất nhì — bậc mình phải hô to: « Trên qua đất này, không có chi đáng ghét hơn khói thuốc lá ».

Xét rõ ra thì ban đầu, tuy bị ngăn đường cản nẻo, thuốc lá vẫn cứ âm thầm « làm việc » và lần lần tới đâu đều thắng trận tới đó. Rồi chẳng bao lâu về sau, nhà chức trách phải chịu thua và tìm cách lợi dụng kẻ « cựu thù » của mình. Năm 1604, vua Hồng-mao là Jacques 1er đánh thuế thuốc lá; rồi năm 1625, Charles 1er, cũng vua Hồng-mao, vì tài chánh trong nước bị khủng hoảng, buộc mấy nhà trồng thuốc lá phải bán tất cả thuốc trồng được cho Nhà nước để Nhà nước bán lại cho dân. Lần lần mấy nước khác bắt chước cái « cách làm tiền » dễ dàng rất lợi cho quốc khố này.

Ngày nay, một phen bạn quí chơi bên Thụy sĩ, chắc bạn nể kẻ viết bài này, không quên mang về ít gói xì-gà, thuốc lá một vài hộp quẹt máy. Ấy bởi

(Xem tiếp trang 15)

HOA - TIÊN TRUYỆN

(Tiếp theo)

ĐÀO-DUY-ANH



AU khi hiểu quý, ông vẫn nhất thiết giữ gia đình quy tắc, đối mình thì kiệm ước, đối người thì giản dị ôn hòa. Người làng xóm nhà quê đều được cùng cười nói với. Khi họ nghe tin ông mất thì làng xóm không ai là không chảy nước mắt mà than tiếc. Trong văn niên, ông ham đọc sách Luận - ngữ, thường nói: « Lời nói của thánh hiền, thực là thiên địa hóa công, sách khác không bì được ». Lại thường răn Vinh này chớ nên đọc tiểu-thuyết ngoại thư, nói rằng: « Xưa ta từng đọc lầm; loại sách ấy có thể di hoạn tính tình, may cùng con cháu thì chớ nên, chớ nên... »

(Con mồ côi là Vinh (Nguyễn-Huy-Vinh 榮) khóc, lấy máu mà viết sau lễ Tiều-tướng một ngày, tháng bảy mành-thu nam Tân-hợi).

Đọc bản hành trạng ấy ta nên chú ý mấy điều:

1.) Câu ông răn con cháu chớ nên đọc tiểu-thuyết tỏ rằng ông viết truyện Hoa-tiên trước khi mất lâu lắm.

2.) Nhưng câu « Đương thời trước thuật rất nhiều » lại khiến ta ngờ rằng ông viết sách ấy sau khi chịu tang nhạc-mẫu là năm 1783. 3.) Song xét ra lời hành trạng chỉ phỏng chừng, ta không có thể nói rằng truyện ấy chỉ viết trước khi mất độ 5, 6 năm. Tôi đồng ý

với ông Hoàng-xuân-Hãn (1) rằng « Có lẽ sách ấy (sách Hoa-tiên-ký chữ hán), cụ thân sinh đi Bắc-sứ mang về. Lúc bấy giờ ông cống trẻ tuổi thường ngày ra vào nơi cung vua, phủ chúa, lại làm rề ở tư đệ cụ Thiệu-bảo ở xóm Bích-câu. Vợ là một người hay chữ nôm. Cả họ hai bên cũng đều thích làm quốc-văn. Người nào cũng còn để lại bấy giờ một vài bài. Thời thế, hoàn cảnh, tính tình đều đủ đề cho *truyện Hoa-tiên-ký diễn nghĩa* ra đời ».

Theo bản chữ nôm ông Nguyễn-Huy-Cừ cho tôi mượn thì quyền sách Nguyễn-Huy-Tự dịch ở sách Đệ-bát tài-tử của người Tàu, đề là *Hoa-tiên-ký* 花箋記. Tôi tin rằng bản ấy là bản chính của Nguyễn-Huy-Tự làm ra, chưa bị ai nhuận sắc, vì so sánh với quyền văn chữ hán thì thấy có nhiều chỗ gần hơn bản thông hành là bản đã do Nguyễn-Thiện nhuận sắc rồi.

Bây giờ ta hãy xem người nhuận sắc truyện Hoa-tiên thế nào. Theo bài tựa bản *Hoa-tiên-ký diễn nghĩa* của Vũ-dại-Văn viết vào năm Kỷ-sửu, Minh-mệnh năm thứ 10 (1829) thì sách Hoa-tiên mà ngày nay ta thấy lưu hành là do Tiên-diễn Nguyễn-Thiện nhuận sắc.

Theo gia-phả họ Nguyễn Tiên-diễn thì Nguyễn-Thiện là con Nguyễn-Điền, tức là Điền-nhạc-hầu, làm quan đến chức Đốc-đồng, cháu Xuân-quận-công Nguyễn-Nghiêm, tức là cháu gọi Nguyễn-Du bằng

chú ruột, mà là em họ hai bà vợ Nguyễn-Huy-Tự. Gia-phả chép: « Thiện 僖 tự là Khả-dục 可欲 hiệu là Thích-hiên 適軒, sinh năm Quý-vị (1763), con bà chính-thất họ Bùi (con gái Doan quận-công Bùi-thế Đạt), ấm phong Hoàng-tín đại-phu Phó-trung-úy, Đại-nhạc-hầu. Khoa hương thi năm Quý-mão (1783) 20 tuổi, cùng đậu tứ trường với hai chú là Nguyễn-Nễ 你 và Nguyễn-Nhưng 仍. Khoa ấy xấ ta đậu 5 người mà ông đứng đầu. Sinh bình ông chỉ lấy văn tự làm vui, trước thuật có: « *Đông-phủ thi-tập* 東甫詩集 và *Huyền-cơ đạo thuật bí thư* 玄機道術秘書 ». Em ruột ông là Nguyễn-Đạm, hiệu Nam-thúc 南叔, nổi tiếng văn học, cùng với chú là Nguyễn-Du dự hai tên trong An-nam ngũ tuyệt, làm những sách *Quan-hải tập* 觀海集, *Minh-quyên phổ* 鳴鵲譜, *Thiên địa nhân vật sự thư* 天地人物事書; sau khi triều Lê bại vong, nhất thiết ở ẩn để giữ trung-trinh với chúa cũ ».

Hiện nay tôi chưa có đủ tài liệu chắc chắn để xét xem Nguyễn-Thiện nhuận sắc Hoa-tiên vào khoảng nào, Ông Hoàng-xuân-Hãn,

Giá báo

Mỗi số	0 \$ 20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi
Mua báo xin giả tiền trước

trong bài « Nguồn gốc văn Kiều » có bàn về vấn đề ấy. Ông so sánh tuổi Nguyễn-Thiện kém Nguyễn-Huy-Tự 20 tuổi, mà đoán rằng Nguyễn-Thiện là em, lại ít tuổi hơn nhiều, tất không dám sửa van của anh khi anh còn sống, nên chỉ có thể nhuận sắc truyện Hoa-tiên sau năm 1790 là nam Nguyễn-Huy-Tự mất. Điều ước đoán ấy tôi nhận là đúng. Nhưng tôi không đồng ý với ông về chỗ cho Nguyễn-Thiện nhuận sắc Hoa-tiên trước khi Nguyễn-Du viết Đoạn-trường tân-thanh. Ông lấy lẽ sách Đoạn-trường tân-thanh viết vào khoảng từ năm 1815 đến 1820, mà Nguyễn-Thiện mất năm 1818, lúc 56 tuổi, tất ông chỉ có thể đọc Đoạn-trường tân-thanh vào hồi tuổi già, mà cho rằng hồi ấy ông không còn có thể nhuận-sắc truyện Hoa-tiên nữa. Vậy ông phải nhuận sắc truyện Hoa-tiên trước khi có Đoạn-trường tân-thanh, mà chính Nguyễn-Du đã bắt chước văn Hòa-tiên. Điều ước đoán này chưa hẳn là đúng, vì lẽ sau này :

Trong sách *Khảo luận về Kim Vân Kiều* đương in, tôi có nói rằng chúng ta không có tài-liệu chắc chắn để chứng tỏ rằng Nguyễn-Du được xem sách Kim Vân Kiều truyện khi đi sứ sang Trung-hoa và viết sách Đoạn-trường tân-thanh sau khi trở về nước (2). Điều ấy vốn chỉ là một

điều ước đoán ta tạm nhận, mà không nên chắc hẳn. Duy, theo tâm-lý, thì ta có thể nói chắc rằng Nguyễn-Du viết Đoạn-trường tân-thanh sau khi về làm quan với triều Nguyễn. Theo lời lẽ văn Đoạn-trường tân-thanh thì ta còn có thể ngờ rằng một ông già đã ngoài 50 tuổi mà viết được những câu văn tươi tắn trẻ trung như thế ; biết đâu ông lại không làm sách ấy trước khi đi sứ ? Nếu ta đặt sự làm Đoạn-trường tân-thanh sau năm 1802 là khi Nguyễn-Du ra làm quan với triều Nguyễn, chứ không phải là sau năm 1814 là khi Nguyễn-Du đi sứ về, thì ta thấy Nguyễn-Thiện có thể đọc Đoạn-trường tân-thanh vào hồi 40 tuổi trở lên. Tôi tưởng rằng có lẽ Nguyễn-Thiện nhuận-sắc truyện Hoa-tiên sau khi được đọc văn của Nguyễn-Du. Điều ước đoán của tôi còn có những lẽ sau này nữa :

Trong bản Hoa-tiên-ký mà tôi tin là bản chính của Nguyễn-Huy-Tự, thỉnh thoảng có câu giống văn Đoạn-trường tân-thanh, vì như những câu :

*Bụi hồng dứt nẻo chiêm bao
đi về,
Thần thờ mây sớm đèn khuya,
Trà gầy giọng khát, hương
chia mùi s`u.*

Cứ những chỗ giống ấy, ta phải nhận rằng khi viết Đoạn-trường tân-thanh Nguyễn-Du còn nhớ lại văn Hoa-tiên của người cháu về mà nhiều tuổi hơn ông. Nhưng so bản chính của Nguyễn-Huy-Tự với bản của Nguyễn-Thiện nhuận sắc thì ta thấy có nhiều đoạn Nguyễn-Thiện thêm vào, khiến khác xa với nguyên văn chữ hẳn, mà lại giống hệt những chỗ đặc biệt của

văn Đoạn-trường tân-thanh. Đây tôi chỉ cử vài ba tỷ dụ :

Khi Giao-tiên theo cha về kinh, nguyên-van nói :

« Mãn mục non sông còn
bận ý, một khe nước chảy động
người sầu. Liếc nhìn lay tam thán
xem canh sắc, đa sầu đa muộn ở
trong thuyền. Đường đi trãi qua
tam mem nghèo, đa dên hoàng-
do len bờ ai ».

Nguyễn Huy-Tự dịch là :

*Giang thiên tám bức sầu treo,
Tham mai trận khoi, non
chiều phien mây.
Mạch phien tuon dơi kẻ ngày,
Phượng thành sáng mờ nào
hay đã gần.*

Nguyễn-Thiện nhuận sắc là :

*Giang sơn tam bức sầu treo,
Cảnh mây de chạnh, sắc chiều
như rui.*

*Kìa đâu cát bằng một d'ì,
Mấy chòm cỏ lục lỏi th'ì hện
nỉ an.*

*Kìa đâu mây tận chân ngàn,
Lưng đeo xao xác hợp tan chợ
chiều.*

*Kìa đâu cuối phố đìu hiu,
Chân trời thấp thoáng con
chèo về khơi.*

*Kìa đâu bờ bến lỏi thôi,
Ngư thôn mấy nóc, mặt trời
là dương.*

*Kìa đâu nghi ngút khói sương,
Chầy khuya mấy tiếng chuông
vang mái chùa.*

*Kìa đâu nước lạnh trời thu,
Động đình băng lãng một hồ
trăng ịp.*

*Kìa đâu ban tối đỗ thuyền,
Trắng bay hoa tuyết giế
thiên một m*

(Xem tiếp trang 1.

Muốn lâu giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

VẾT TÍCH THÀNH ĐẠI LA

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

(Bài nối)

NĂM 767, sử chép nước Côn-luân và nước Đồ-bà đến an cướp nước ta lấy được châu thành. Bấy giờ Kinh-lược-sứ là Trương-bá-Nghi cầu cứu với Cao-chính-Bình, làm đô-úy ở Vũ-định. Cao-chính-Bình đem quân đến Long biên, cùng đánh quân Côn-luân và Đồ-bà, phá được ở Chu-diên. Trương-bá-Nghi dẹp xong, đắp La-thành (1). « Thành cao hai trượng hai thước (đời Đường, 618-905, mỗi trượng độ ba thước sáu tây); Thành có ba cửa: cửa đông và cửa tây mỗi cửa ba gian, cửa nam nam gian, trên cửa có vòm canh; trong thành hai bên tả hữu mỗi bên nam dinh » (2).

Vì Cao-chính-Bình có công đánh giúp Trương-bá-Nghi, nên được thăng An-nam Đô-hộ-phủ; nhưng Bình ác-nghiệt và thu thuế nặng, nên người Giao-châu ta oán: hồi bấy giờ có những bậc anh-hùng nghĩa-khí như Phùng-Hưng, Đỗ-anh-Hàn (3) khởi binh vây phủ đô-hộ; Cao-chính-Bình lo rồi chết.

Năm 791 vua Tào cho Triệu-Xương sang làm đô-hộ. Lúc ấy châu Giao vẫn chưa yên. Triệu-Xương đến nơi, vỗ-về dân chúng, trong nước mới yên. Triệu-Xương được thăng kinh-lược Chiêu-thảo tri, đắp thêm La thành, « gần về bên-chật ». Làm đô-hộ mười năm (4), vì đau chân xin về Tào (năm 801). Vua Tào cho Bình-bộ ứng-trung là Bùi-Thái sang thay (5).

Trong khi Bùi-Thái làm đô-hộ, dân-tình không phục, vua Tào vời Triệu-Xương đến hỏi: Triệu-Xương lúc bấy giờ đã ngoài bảy-mười tuổi mà tàu đối vẫn tinh-minh; vua Tào lấy làm lạ, lại cho sang làm đô-hộ. Chiếu-thư đến nơi người trong châu mừng-rỡ, nước Nam lại được yên.

Triệu-Xương làm đô-hộ đến đến năm 808, vua Tào cho Trương Chu lên thay. Trương-Chu sửa đắp thành Đại-la (6), nhưng sử không chép rõ cao rộng bao nhiêu và cách-thức thế nào, chỉ thấy chép năm 824, mùa đông, tháng 11, đô-hộ là Lý-nguyên-Gia cho cửa thành Đại-la « có nghich-thủy, sợ người trong châu sinh ý làm phản, nhân dời phủ-trị đến bờ sông Tô-lich » (7). Sách *nhất thống chí* nhà Thanh chép « sông Tô-lich từ phía đông-bắc phủ thành châu Giao, chuyển ra phía tây, chảy thẳng đến Nhuệ-giang (nay là sông Hà-dông, tục gọi là sông Tô). Xưa có người tên là Tô-lich ở đấy, cho nên đặt tên là sông Tô-lich. Đầu năm Vĩnh-lạc (1403) nhà Minh. Hoàng-Phúc đào thêm

sông ấy, nhân thế đổi tên là Lai-tô. Nay ở phía đông tỉnh thành Hà-nội, huyện Thọ-xương, có cửa sông ấy là chỗ từ Nhị-hà phân-lưu ra đấy » (8).

Năm 866, Cao-Biên làm Tiết-độ sứ nước Nam (bấy giờ nước Nam gọi là Tĩnh-hải-quân tiết-trân), bắt đầu đắp lại thành Đại-la. « Cựu-sử » chép « thành Cao-Biên quanh khắp 1.982 trượng 5 thước (tính vào thước tây, được độ chừng 7.000 thước), thành cao 2 trượng 6 thước, chân thành rộng 2 trượng 5 thước; bốn mặt nữ-tường (là tường thấp) cao 5 thước 5 tấc. Có 55 lầu vọng địch (dễ trông giặc), sáu cửa tò-vò, ba cửa nước, 34 con đường đi. Lại đắp đề con (tức con trạch) vòng quanh 2.125 trượng 8 thước, cao một trượng 5 thước, chân rộng hai trượng, và làm hơn bốn mươi vạn gian nhà » (9).

Bộ *Khâm định Việt sử* (quyển 5, tờ 11 b) đề một câu « cần án » ở dưới đoạn « cựu-sử » ấy như thế này: « Thành Đại-la ở Long-biên, đời Đường, Trương-bá-Nghi (năm 767) đắp ra, Triệu-Xương (năm 791), Lý-nguyên-Gia (năm 824) sửa sang nối theo, không phải bắt đầu từ Cao-Biên (năm 866). Cựu-sử chép Cao-Biên đắp La-thành làm hơn bốn mươi vạn gian nhà, tưởng cũng là lưu truyền không đúng, sợ khó tin hết. »

Đến đời Gia-long có quyển *Bắc-thành địa dư chí* (bản sao của Trương Bắc-cổ số A 81, quyển 1, tờ 1 a) chép « thành Thang-long, phía đông từ chân thành đến giáp bến Nhị-hà, đi độ một khắc, qua sang bên kia là huyện Gia-lâm, trấn Kinh-bắc; phía tây từ chân thành đến giáp giới huyện Từ-liêm,

Thống chế Pétain đã nói :

Vì nghĩa-vụ, Bản-chức phải coi những kẻ buôn thằm bán len như những người phá hoại sự thống nhất của nước Pháp.

trấn Sơn-tây, đi độ hai khắc; phía nam từ chân thành đến giáp giới huyện Thanh-tri, trấn Sơn-nam-thượng, đi độ ba khắc; phía bắc từ chân thành đến giáp giới huyện Từ-liêm, trấn Sơn-tây, đi độ hai khắc. Thăng-long tức là tên chung gọi thành Đại-la của Trương-bá-Nghi và Cao-Biền. Trước kia vua Lý Thái-tổ (1009-1028) dời kinh-đô từ Hoa-lư đến đây, nhân điền con rồng, đổi tên là Thăng-long, nghĩa là rồng bay lên. Đến đời Gia-long đổi chữ long là rồng làm chữ long là thịnh, nghĩa là thăng bình long thịnh (thái bình thịnh vượng). Năm thứ tư đời Gia-long là năm ất-sửu (1805) sai đắp thành, chu vi 1958 tầm (tám thước ta là một tầm) 2 thước 5 tấc, thêm thì xây đá, ngoài thành đều đào hào sâu, nước hào đi quanh khắp thành», nay cũng phá đi gần hết cả, còn di-tích gì thì ông André Masson đã chép trong quyển *Hanoi pendant la période héroïque (1873-1888)* ở trang 53-85, như bề rồng đá đời Lý,

cửa Bắc ở phố Carnot, cột cờ ở phố Puginier, v... v...

(Còn nữa)

Ứng-Hòa NGUYỄN-VĂN-TỔ

1) Chép theo **Khâm định Việt sử thông giám cương mục**, tiền biên, quyển 4, tờ 24 a, và **Đại Việt sử ký toàn thư** ngoại kỷ quyển 5, tờ 4 b. **Quyển An-nam chí nguyên** (bản in của Trương Bắc-cô, trang 157) biên **Cao-chính-Bình** làm hiệu uy. **Bộ Khâm định Việt-sử** (quyển 4, tờ 24 b) chưa nước Côn luân ở phía nam nước Lâm ấp (Chiêm thành, Champa); còn nước Đồ bà đông giáp Lục chân lập (Cao mén), tây giáp Đông thiên trúc, nam giáp Bắc, bắc, giáp Nam chiểu.

2) Chép theo **An-nam chí nguyên** (sách in của Bắc cô), trang 158.

3) **An-nam chí nguyên**, trang 157; **Khâm định Việt sử**, quyển 4, tờ 26 a.

4) **An nam chí nguyên**, trang 158; trong có chép thêm rằng: « **Triệu Xương** xem khắp danh sơn đại xuyên, cô tích, từ đân, ở cực quận, chép làm **Phủ ký** (có sách sao là **Phủ chí**) Nam Trinh nguyên thứ 19 năm 803, sử và chép là năm Trinh nguyên thứ 17 (801) **Triệu**

Xương tư dâng biểu xin người khác thay chức đô hộ ».

5) **Khâm định Việt sử**, quyển 4, tờ 27 a, chép một đoạn **An nam kỷ yếu** như sau này: « **Triệu Xương** sai sứ dụ **Phùng An**, là con **Phùng hưng**. **Phùng An** đem quân xin hàng ».

6) **Khâm định Việt sử**, quyển 4, tờ 28 b. — **Đại Việt sử ký toàn thư** quyển 5, tờ 7 a, chép « **Trương Chu** đắp thêm thành Đại la, và làm ba trăm chiếc thuyền mỏng đồng là một thớt thuyền hẹp và dài dễ xung đột vào thuyền giặc; mỗi chiếc 25 người chiến thủ, 23 người phụ chèo thuyền chèo nhanh như bay ».

7) **Khâm định Việt sử**, quyển 4, tờ 31 a, trong có nói thêm rằng:

« Mùa đông, tháng 11, năm giáp thìn (824), đô hộ là **Ly nguyên Gia** dời phủ thành ra ở ngoài cửa Đông quan. **Đại Việt sử ký toàn thư** (quyển 5, tờ 7 b) « xét phủ thành đô hộ về trước, nay ở ngoài thành Đông quan, gọi là **La thành**; sau **Cao Biền** đắp ngoài thành ở **Kim thành** cũng gọi là **La thành** ».

8) **Henri Maspéro, Le protectorat général d'Annam sous les Tang** *essai de géographie historique*, đăng trong *Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême Orient*, quyển X năm 1910, trang 553-554.

9) **Khâm định Việt sử**, quyển 5, 10 b, 12 b.

Văn - liệu Từ điển

Những thành-ngữ và từ ngữ của ta trong các thơ văn xếp đặt lại thành một pho từ điển, rất tiện cho sự tra cứu trong khi đọc sách và nhất là cho các học-sinh học khoa quốc-văn trong các trường.

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH

Tựa của Cụ Đốc Ô-Như NGUYỄN VĂN NGỌC,

Sách khổ rộng 16 x 25 ngót 400 trang

Giá bán lẻ 5\$00

Vị nào gửi tiền đặt mua trước ngày 1er Mai 1913, xin biểu 10% cước phí không phải chịu.

Những giáo-sư các trường công tư, đặt tiền mua trước từ 10 quyển trở lên xin biểu 20% cước phí không phải chịu.

Thư và ngân phiếu xin gửi và đề rõ:

Ô. Quảng-vạn-Thành

16, Phố Lê Lợi — HANOI

51, Doumer — HAIPHONG

Cùng các nhà văn dự thi giải « **Alexandre de Rhodes** »

Về cuộc thi dịch Pháp-văn của bản-hội tổ-chức, nhiều bạn không gửi kèm nguyên-văn, hoặc quên ghi tên cuốn sách đem dịch.

Muốn tiện việc khảo-đuyệt cho được công-minh, xin các bạn kíp gửi nguyên-văn đến hội **Alexandre de Rhodes** 6 Bd P. Pasquier Hanoi



ĐÂY nói về hoàng-tử Cảnh. (1)

Hoàng-tử là con trưởng vua Gia-long

và Thừa-thiên hoàng-hậu, (2) sinh ở đất Gia-dịnh ngày mồng 2 tháng 3 năm Canh-tý nhâm 6 Avril 1780, giữa lúc quân Tây-sơn đang lừng-lẫy tung-thành và vua Nguyễn bôn ba nay đây mai đó.

Bấy giờ sau khi vua Nguyễn bị thua to ở cửa Cần-giờ hồi tháng 3 năm Nhâm-dân (Mars-Avril 1782), và binh thuyền nhà Nguyễn bị đại-binh của Nguyễn-Huệ, Nguyễn-Lữ đánh phá tan tành trong sông Sài-gòn hồi năm Quý-mão (1783), nhà vua chạy xuống Ba-giồng, các quan chạy theo được chỉ có Nguyễn-kim-Phẩm và năm sáu người. Kể lại bị bộ-binh của Huệ đánh đuổi, vua chạy xuống Bến-lức, lòi được sang sông Vàm-cỏ-dòng (Vaico Oriental) đến Bến-chanh rồi về được đến Mỹ-tho nước quốc-mẫu và cung-quyển chạy ra đảo Phú-quốc, đóng ở núi Đá-chồng. Sau lại bị thủy-quân Tây-sơn đến vây đánh, vương chạy sang đảo Côn-lôn, rồi lại trở về được Phú-quốc, cho mời Bá-Đa-Lộc từ Chantaboum tới để bàn việc sang cầu-viện nước Đại-Pháp.

Tháng 3 năm Giáp-thìn (1784), vua Nguyễn sang Xiêm xin viện-binh, tháng 6 xin được quân cứu-viện về.

Sau khi viện-binh Xiêm bị đánh tan ở Rạch-gầm (Mỹ-tho) và nhà vua không còn trông cậy gì được ở nước Xiêm nữa, ngài bèn giục Bá-Đa-Lộc đưa hoàng-tử Cảnh sang cầu-viện nước Đại-Pháp rồi đưa cả hoàng-mẫu cùng cung-quyển sang lánh ở Vọng-các.

Tháng chạp (Décembre 1784) Bá-Đa-Lộc dắt Hoàng-tử Cảnh cùng Phạm-văn-Nhân và Nguyễn-văn-Liêm dời hòm Phú-quốc xuống thuyền ra đi.

Tháng giêng năm Ất-tí (Février 1785), con thuyền tới Pondichéry và ở nấn-ná mãi đến tháng sáu năm Bính-ngọ (Juin 1786), Bá-Đa-Lộc và Hoàng-tử mới đón tàu «Malabar» sang nước Pháp.

Tháng giêng năm Đinh-mùi (Février 1787), tàu «Malabar» vào cửa Lorient.

Bá-Đa-Lộc đưa Hoàng-tử Cảnh vào bộ-kiến Pháp-hoàng là Louis XVI tại cung Versailles, tâu bày, tường-tận về tình-hình nước Nam và nói đến cả những quyền-lợi dành cho nước Pháp. Pháp-hoàng liền họp đình-ngự và ưng-thuận ngay.

Lúc này Hoàng-tử Cảnh đã 8 tuổi, được tiếp rước trọng-thể theo vương-lễ trong cung Versailles. Bấy giờ trong hoàng-cung có tổ-chức nhiều yến-tiệc linh đình để mừng hoàng-tử và lại còn đặt ra mấy khúc hát để kỷ-niệm :

*Dans cet asile est le bonheur ;
J'y vois la vertu, la candeur ;
Mes enfants, avec allégresse,
Joignez-vous à ma faible voix !
Je veux célébrer à la fois.
L'auguste enfance et la sagesse.*

*Tôt, tôt, tôt
Battons chaud,
Tôt, tôt, tôt.
Bon courage.*

*Il faut avoir cœur à l'ouvrage ;
Commençons par l'illustre enfant
Que son sort est intéressant !
Fait pour porter le diadème,
On le voit assis parmi nous :
Royal enfant, consolez-vous,
Vous régnerez, Adieu vous aime.*

Tôt, tôt, tôt.

BÁ ĐA LỘC VỚI HOÀNG TỬ CẢNH

Số IV

NGUYỄN TRIỆU



Ảnh Hoàng tử Cảnh douperin họa từ năm 1787
(Kính ảnh của Sociétés Etudes Indochinoises)

Nhà danh-họa Mauperin thời bấy giờ cũng đã có vẽ mấy bức truyền-thần hoàng-tử và Bá-Đa-Lộc mà tới nay hầy còn.

Năm Đinh-mùi (1787) sau khi ở Xiêm về, nhà vua nhớ hoàng-tử và mong tin cứu-viện của Đại-Pháp, bèn sai quan Hộ-bộ là Trần-phúc-

Dai và Tiểu-sai-đội là Tống-phúc-Ngọc đi đón. Song mãi đến tháng sáu năm Kỷ-dậu (19 Juillet 1789) mới từ Pondichéry về nước, ghé Poulou-condore ngày 19 Juillet và ngày mồng 3 tháng 6 năm Kỷ-dậu (24 Juillet 1789) tàu «Méduse» đến cửa Ô-cấp.

Bấy giờ vua Nguyễn đã khắc phục hẳn được thành Gia-dịnh lần thứ-tư từ năm trước, nghe tin xiết bao mừng rỡ, bèn sai Tôn-Thất Hội đem binh thuyền ra cửa Cần-giờ đón Đức-thầy và Hoàng-tử — Khi gặp Hoàng-tử Cảnh ở tàu mới bước lên, vua Nguyễn an-tủi rằng : « Con ta chân trời góc bể, ra đi đã 6 năm trường nay lại còn được trông thấy, thực là may lắm ! » Kể đó, văn võ bá quan xin lập Hoàng-tử lên ngôi chủ-nhị, song nhà vua thấy Hoàng-tử còn nhỏ, chưa muốn cho vội.

Sang đến năm Quý-sửu (1793), Hoàng-tử Cảnh đã 14 tuổi ; quân-thần lại tâu xin lập lên làm Đồng-cung. Ngày 21 tháng 3 năm Quý-sửu nhâm 1er Mai 1793, Nguyễn-vương lập Hoàng-tử lên làm Đồng-cung, phong là Nguyên-soái quân - công, ban ấn Đồng-cung, dựng phủ Nguyễn - soái, đặt ra liêu-thuộc và lấy văn võ đại-thần, mỗi bên một viên để theo giúp việc Đồng-cung : các việc nhỏ thì do các quan đại-thần xử-phán, còn việc lớn thì phải đệ trình Soái phủ quyết-đoán, để tập việc chính-trị.

Vua lại đặt ra nhà Thái-học, chọn quan phụ-dạo; đốc-học, hàn-lâm thị-học, và ủy-thác cho Trịnh-hoài-Đức (3) và Lê-quang-Định (4) dạy Đồng-cung học.

Đồng-cung nói câu gì hoặc

làm việc gì, thì các quan thị-học phải ghi chép lấy cả.

Tháng tư năm ấy, vương thân-chinh ra đánh Qui-nhon, lưu Đồng-cung ở lại trấn thủ thành Gia-dịnh.

Tháng 11, vương lại sai Đồng-cung cùng Bá-Đa-Lộc và lũ Phạm-văn-Nhân, Tống-phúc-Khê ra giữ thành Diên-Khánh. Khi đi, ngài dụ rằng :

— « Từ xưa để vương ai cũng phải học : Vua Thái-Giáp có học mới làm được chúa hiền, vua Thành-vương có học mới trở nên được vua, giỏi. Vậy khi nào rồi-rảnh việc quân, con phải nên nghe lời sư-phó và siêng xem sách-vở. Như thế thì những lúc bình-cách, đã biết được phép khiến tướng điều binh và khi thái-bình cũng biết được đạo lễ gia, trị quốc. Còn những tả hữu ra vào, thì nên kén lấy đoan-nhân, chính sĩ, chớ đừng nên gần những kẻ chẳng ra gì ».

Đồng-cung lấy mà vàng mạng. Sau khi đến trấn, trăm họ mến phục.

(Còn nữa)

NGUYỄN-TRIỆU

1) Phỏng theo Đại-Nam liệt-truyện và Thực-lục nhất kỷ.

2) Con gái Tống-phúc-Khuông.

3) Xem Tri-Tân số 7 trang 12-13.

4) Xem Tri-Tân số 8 trang 10.

Nên giúp Hội Truyền-Quốc-Ngữ là hội dạy thầy người nghèo thất biết đọc và biết viết nước nhà.

TÀI LIỆU ĐỀ ĐÍNH CHÍNH

NHỮNG BÀI VĂN CỎ

Số 56

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV

KIM VÂN KIỀU (bài nối)

Quyền Đoạn-trường tán-thanh của cụ Kiều-oánh-Mậu (tờ 31 a) chép là: *Đủ ngàn ấy nét, mới là làng soi*. Quyền Quan-văn-đường và quyền Kiều của ông Vĩnh chép là *« người soi »*, quyền chú thích của Trường Bác - cổ chép là *« người chơi »*.

Từ đây trở xuống, câu nào chép trên là lấy ở Đoạn - trường tán-thanh:

Thân sao bướm chán, ong chường bấy thân.

Quan văn đường cũng chép thế. Quyền chú-thích và quyền của ông Vĩnh chép là *« mấy thân »*.

Nhưng mình nào có biết xuân là gì!

Các quyền khác đều chép chữ biết ở trên chữ có.

Nửa rèm tuyết ngậm, bốn bề trăng thâu.

Chỉ có ông Vĩnh viết chữ *« bốn bề »*.

Vui là vui gương kẻ là.

Chú-thích và ông Vĩnh chép là *« kẻ mà »*.

Sân hòe đôi chút thơ ngây.

Kính-bản đời là: *« Long-dong nhà bạc em ngây »*, nhưng cụ Kiều oánh Mậu không theo.

Hoa kia đã chấp cội này cho chưa?

Quan văn đường và ông Vĩnh là *« cành này »*; chú-thích là *« cây này »*.

Ấc hương quan lưỡng lần mơ canh dài!

Quan văn đường và chú thích

chép là *« những mơ »*; ông Vĩnh chép là *« mẩn mơ »*.

Đã cho lấy kiếp hồng nhan.

Quan văn đường chép là: *« Đã đầy vào kiếp hồng nhan »*; ông Vĩnh và chú thích chép là: *« Đã cho lấy chữ... »*.

Kì-Tám họ Thúc, cũng nòi thư hương.

Quan văn đường và chú thích chép là *« cũng loai thư hương »*.

Chiều xuân càng gió, càng mưa, càng nồng.

Các bản khác đều viết *« ngày xuân »*.

Ngày xuân lắm lúc quên về với xuân.

Các bản khác viết chữ *« đi về »*. Cụ Kiều-oánh-Mậu cho chữ *« quên về »* bởi chữ *« Lạc nhivong qui »*, nghĩa là vui mà quên về.

Một mê trong cuộc chuy-hoan.

Quan-văn-đường và ông Vĩnh chép *« Miệt-mại »*, chú-thích chép *« mơ màng »*.

Thúc-sinh quen nét bốc dờ.

Chú-thích và ông Vĩnh chép *« quen thói »*.

Máu tham người thấy hơi đồng thì mê.

Ông Vĩnh và Quan-văn-đường chép *« Máu tham hề thấy »*.

Rõ màu trong ngọc trắng ngà.

Chú-thích và ông Vĩnh chép là *« Rõ-ràng »*.

Ngự tình tay thảo một thiên luật Đường.

Quan-văn-đường và chú-thích chép *« Tả tình »*.

Nàng rằng: « Vắng biết lòng chàng ».

Chỉ có một mình ông Vĩnh chép là *« ý chàng »*.

Lòng quê dờ một vài điều ngang-ngang!

Quan-văn-đường chép *Nỗi quê còn một hai điều ngang ngang »*; chú thích chép *« Lòng quê nghĩ một hai điều ngang ngang »*; ông Vĩnh chép: *« Nỗi quê nghĩ một hai điều ngang-ngang! »*

Lòng còn gửi đám mây Hàng.

Quan văn đường và chú thích chép là *« mây vàng »*.

Đoạn trường lúc ấy dờ mà buồn tênh.

Các bản khác đều viết chữ *« nghĩ mà »*.

Chàng như con bướm liệng vành chút chơi.

Các bản khác đều viết *« mà chơi »*.

Lòng kia giữ được thương thương thế chẳng?

Các bản khác đều viết là *« mãi chẳng »*.

Lượng trên trông xuống, biết lòng có thương?

Các bản khác đều viết *« Lòng trên trông xuống »*; ông Vĩnh lại chép là *« biết rằng có thương »*.

Đành thân phận thiếp ngại danh giá chàng!

Chú thích viết là *« nghĩ danh giá chàng »*.

Hoàn lương một thiếp thân vào cửa công.

Chú thích và Quan văn đường chép là *« Hoàn nguyên »*.

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Giới thiệu

Bản chỉ mới nhận được quyền « Les réalisations de la Révolution nationale en Indochine » (Công cuộc quốc-gia cách-mệnh đã thực-hành tại Đông-dương) do phòng Thông-tin Tuyên-truyền và Báo-chí Bắc-kỳ gửi tặng.

Sách dày 174 trang, khổ 14 x 19, in đẹp, trình bày có mỹ-thuật, xuất-ban tại Saigon năm 1942.

Quyền sách này mục-dịch diễn tả một cách lược-giẩn và rõ-ràng công-cuộc khai-hóa của Chính-phủ Pháp tại Đông-dương từ cuộc đình-chiến tháng Juin 1940 tới nay. Những tài-liệu xác-thực đều do các công-sở thu-thập.

Đọc qua quyền sách này, độc-giả sẽ được mục-kích ngay một bản đồ rõ rệt những công-cuộc quốc-gia cách-mệnh của chính-phủ Pháp đã thực-hành tại Đông-dương, về mọi phương-diện chính-trị, kinh tế, văn-hóa, xã-hội, chuyên-môn, thực-hành, tài-chính, hành-chính... dưới chính thể của quốc-trưởng Pétain.

Quyền sách này sẽ giúp ích cho các nhà khảo-cứu, các nhà chính-trị, muốn biết tới trình-độ tiến-hóa của xứ Đông-dương, mà đồng bào ta ai quan-tâm đến tiền-đồ tổ-quốc xem sách này sẽ thấu thái được nhiều điều ích lợi.

Vậy xin chân-trọng cảm tạ phòng Thông-tin, Tuyên-truyền và Báo-chí Bắc-kỳ và xin vui lòng giới thiệu với các bạn đọc thân-yêu của Tri-Tân một tác-phẩm quý giá.

NHẬT-NHAM

Thống-chế Lyautey đã nói: « Ta là một sinh vật chỉ ưa hoạt động ». Chúng ta nên theo gương ngài.

Hãy im đi! những kẻ ích kỷ, những kẻ lười biếng, những kẻ chể bai.

Chúng ta đừng nên chia rẽ nhau vì những ý tưởng viển vông, nên hợp sức lại mà tìm phương kê hàng ngày giúp nước.

Lịch sử thuốc lá

(Tiếp theo trang 7)

đó, thuốc đã thơm ngon mà giá lại rẻ và mua một gói lại được tặng riêng một hộp diêm; còn hộp quẹt máy thì chỉ có ít cái một cái mà thôi.

Mà bạn đã giấu mấy vật ấy kỹ càng chưa? Bạn hãy bước mạnh chơn và đừng tỏ vẻ sợ sệt, lo lắng khi lính nhà đoan xốc va-li, rờ các túi nhé! Coi chừng, nếu đề họ bắt gặp dạng thì bạn phải bị phạt vạ một cách nặng-nề... nặng-nề lắm đấy, bạn ạ!

(Trong một kỳ tới: « Hút thuốc lá có hại chăng? »)

Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

Hoa Tiên Truyện

(Tiếp theo trang 9)

*Kìa đầu trúc lệ nhuộm thâu,
Tiêu-tương lịch chích mưa
màu canh chày.*

*Cảnh kia thêm bận lòng này,
Phượng-thành sáng mờ, nao
hay đã gần.*

(Còn nữa)

DAO-DUY-ANH

(1) Nguồn gốc văn Kiều, Thanh-nghị số xuân năm Quý-vi, Février 1943.

(2) Chú thích: Nguyễn-văn Thăng, tác giả Kim Vân Kiều sau, dựa cơ nhau năm 1943 lúc 43 tuổi, sau khi Nguyễn Du mất 5 năm, tức là người ta có thể xem là hậu tiến cùng thời với Nguyễn-Du, trong bài tựa Kim Vân Kiều án đã viết rằng: « Xưa nhà Ngã Văn-lâu bốn Tàu in bản thực lục đã lưu hành khắp chỗ, từ trước đến nay. Ấp đến quan Đông các nước ta phụ diện ta quốc-âm... »

Bản "thực lục" nói trên có lẽ là chỉ bản Kim Vân Kiều truyện của Thanh-tam tái-nhân. Nếu quả vậy thì lời tựa ấy có thể khiến chúng ta ngờ là Kim Vân Kiều truyện có thể đã lưu-hành ở nước ta từ lâu chứ không phải là đơn mới năm 1814 Nguyễn-Du đi sứ Tàu mới đem về. Và chẳng khi viết bài tựa ấy mà Nguyễn-văn Thăng gọi Nguyễn Du là quang hồn của, theo chữ quan Nguyễn-Du mang trong khoảng từ 1805 đến 1807 là lúc bị Cai bạ Quảng-bình, (tức là trước khi đi sứ), thì là ông hẳn có thấy trên một bản sách của Nguyễn-Du mà năm 1830, khi bị hạ ngục ông đọc cho khuây, để mấy chục đồng-các học-sĩ ở trên tên Nguyễn-Du, điều ấy khiến ta ngờ rằng Nguyễn-Du viết Đoạn-trường tân-thanh từ khi đương làm quan ở chức ấy. (Nhân xem bài Nguyễn-văn-Thăng của Hoa-Bằng ở Tri-Tân số 85, ngày 4 Mars 1943).

MÙA THI ĐÃ TỚI

* Bạn nào có con em thi SƠ-HỌC YẾU-LUỘC thì nên cho dùng:

Tập bài thi bằng Sơ-học yếu-luộc
hai ông Dương-quảng-Hàm và Dương-tự-Quán
in lại lần thứ 8 — Giá 0\$75 — Cước 0\$20.

Bạn nào có con em thi Certificat thì cho dùng:

Cent Rédactions corrigées

hai ông Trần-huy-Cơ và Nguyễn-huy-Hoàng,
in lại lần thứ 2 — Giá 0\$45 — Cước 0\$20.

Recueil de Dictées

Dương-q-Hàm, in lần thứ 3, giá 1\$20, cước 0\$30.

Đề cho hiệu sách ĐÔNG-TÂY

195 Hàng Bông — HANOI

Nói chuyện tại hội Trí-Tri Nam-định

TÌNH TRẠNG NỀN HỌC XƯA VÀ CHỈ HƯỚNG NGƯỜI HỌC TRÒ XƯA

Số 3

Nhật-nham TRỊNH-NHƯ-TÂU

Xưa kia ba năm mới mở khoa thi một lần, số sĩ-tử không phải là ít, thi văn-bài đã khó lại thêm bao nhiêu quy-thức không thể vượt qua như phải đóng quyển viết bài thi cho hợp pháp, không được dõ, di, câu, cải, phạm trường-quy, phạm húy, không được ngoai-nam, vì vậy lắm người tới khi đầu bạc, rang long, còn lão-đảo nơi trường-ốc. Như thế thì xưa cũng như nay, sự học cũng vất vả, kho khan, nhẩn-nại lắm mới có thể thành-tựu, chứ không thể dễ dàng mà thành danh được. Nếu dễ vậy, thì chẳng hoá ra « cái giá khoa-danh ấy cũng hời », lắm rù ! Những chữ trong Tam-Tự-Kinh. « Như Nang Huỳnh », « Như ánh-Tuyết », « Như Phụ-Tân », « Như Quả giác », đều là tả cảnh những học-trò có trí, nhưng gặp cảnh nghèo-nàn phải bắt đom-đóm bỏ vào túi, soi ánh sáng tuyết mà học thay cho đầu đèn. Phụ-tân là vừa đội củi, vừa học, quả giác là treo sách vào sừng trâu mà đọc, cồ-nhân vừa học lại vừa hành, không bỏ phí một thời-khắc, tính hiều-học biết là chừng nào :

Lại như những câu « Đầu huyền trong », « Chày thích cồ », thuật lại là người vừa ngồi học, muôn khối giấy, tự treo đầu lên và-nhà hay lúi đăm vào đèn cho tỉnh đề có lúi mài kinh-sử đề chờ đợi khoa. « cái chỉ qua-quyết, lòng dưng-nh của cồ nhân đều như thế.

Rở pho dã-sử hước nhà, ta thấy biết bao gương nhẩn-nại của tiền-nhân để lại. Vậy xin thuật một vài chuyện người xưa đã từng phấn đấu với nhiều nỗi khó khan, ngày đêm luyện chí, rèn tài, như trác, như ma, như thiết, như tha, để làm nên sự-nghiệp ích dân lợi nước.

1.) Ông Nguyễn - quốc - Trinh, người làng Nguyệt-áng thuộc thành-phố Hà-nội cùng em là Trụ, sớm mồ côi cha mẹ phải ở với ông nội. Được ít lâu, ông nội mất ! Hai anh em không chỗ nương thân, phải đem nhau đến nhờ người chị gái lấy một một ông Nghè trong làng.

May được người chị hiền, thấy hai em có chí bền thân đến lạy thầy học, nhờ thầy hể sức rèn tập cho hai em nên người, rồi thỉnh thoảng cung-cấp lương-thực đủ hai anh em an học.

Một hôm, chị đem gạo đến cho các em, thầy Trinh đương đi thả diều ! Chị vào trình thầy, xin ran giấy cho.

Thầy gọi Trinh về, mắng : « Tội con đáng đánh. Thầy ra câu đôi này, nếu làm được thì tạ, không làm được thì phải đòn ».

« *Mé chơi, chẳng học, quên nhời chị !* »

Trinh ứng khẩu, đối ngay :

« *Thi đỗ, làm quan nức tiếng thầy !* ».

Từ đó, hai anh em Trinh chăm chỉ mài, học hành mỗi ngày một tấn tới.

Nam Bính-thân đời Thịnh-đức (1653-1657) triều Lê-thần-tôn, hai anh em cùng vào tam trường khoa Hội. Lúc đôi sách Đại kinh, ông Trinh quên mất vài mục. Ông Trụ nhớ, định nhắc anh, nhưng ông Trinh gạt đi :

— Phải nhờ em nhắc mới đỗ được ! Đỡ thế thì nhục lắm ! Thôi em nhớ thì em làm. Anh quên thì anh chờ đến khoa sau, vội gì.

Nói xong, quần lều chiếu, ông ra ngay khỏi trường.

Khoa ấy, ông Trụ đỗ Đồng-Tiến-sĩ.

Đến khoa Kỷ-hợi niên-hiệu Vĩnh-thọ (1658-1661) đời Lê-Thần-tôn, ông Trinh đỗ Trạng-nguyên. Vì bốn kỳ thi đều thứ nhất, nên ông được vua ban tên là Quốc-khôi, sau thăng đến Lại-bộ Thị-lang.

Xem như một ông Trinh thì đủ biết, người xưa khẳng khái biết chừng nào. Muộn chác còn hơn sớm lép, ông vui lòng chờ đến khoa sau để đủ thi-giờ học thêm cho thành tài. Cái khí-phách ấy với cái chân-tài của cồ-nhân đã tạo nên cái chân-giá-trị là một vật báu không phải sản có ở đương-thời.

2.) Ông Lương - Hữu - Khánh người xã Hội-triều, huyện Hoảng-Hóa (Thanh-Hóa), mồ côi cha, từ khi còn trong bụng mẹ.

Lúc nhón, Khánh an rất khỏe,

gấp ba, bốn người khác. Mẹ thường phải nhịn đói để phần cơm cho con ăn và đi học.

Sau vì cảnh nhà quần bách, Khánh phải xin phép mẹ ra ngoài kiếm ăn.

Từ đó lang-thang nay đây mai đó, tìm vào các nhà học-trò, xin gà thỏ phủ để kiếm ăn.

Một hôm qua bến đò sông Tam-kỳ, Khánh chợt gặp 5, 6 nhà sư đi cúng về, tay sách rất nhiều oản quả. Nhà sư thấy ông có vẻ đói, thương tình, chộp vài phầm oản.

Ông từ tạ: « Tôi là một kẻ thư-sinh, nhớ bước vài hôm nay, nay gặp được các vị Bồ-Tát, tưởng các ngài rộng lòng bố-thí, cho tôi no đủ. Ai ngờ được vài phầm oản thì ăn chẳng bỏ chưa miệng ».

Chư-tăng trông nhau, cả cười, rồi bảo ông: « Anh đã tự xưng là học-trò, tất phải biết làm thơ. Vậy anh thử làm một bài: « Sư và học-trò cùng đi một chuyến đò ». Hề

SÁCH MỚI

T. T. nhận được và xin giới-thiệu

1-) **Phụ-nữ với hôn-nhân** của bác-sĩ Gina Lombroso do Viên-Đình dịch. Sách dày 140 trang, Giá bán: **1\$00**

2-) **Luận về tiếng nam** của Ngô-quang-Châu, sách in đẹp, dày 100 trang, giá: **0\$70** (Hai quyền trên đều do Đời Mới xuất-bản).

3-) **Tâm lý học** (Tri-Tuệ) do Mai-Linh xuất-bản trong loại « Giáo dục tù-ng-thư » của Nguyễn-đức-Tinh.

Sách giấy 132 trang, giá: **1\$20**

Xin cảm ơn và vui lòng giới-thiệu cùng bạn đọc. T. T.

qua sông mà xong thì cho cả đầy oản ».

Chưa tới bến, thơ đã vong, ông ngâm to:

Này hòm kinh-sử, chap kim-cương

Người tớ cùng sang một chuyến đò:

Người đến nhà chay, người dừng đình,

Tớ vào đài các, tớ ghéhngang.

Người sao chẳng nhớ nhời Hàn-Dũ!

Tớ vẫn còn cầm truyện Thủy hoàng!

Này đoạn kỳ này, Nho, Thích biệt,

Người về phụng phật, tớ phủ Vương....

Nghe xong bài thơ, các Hoà-Thượng đều khen hay, cho cả 70 phầm oản.

Ông đem ra đầu thuyền, một mình ăn một lúc hết cả.

Chư-tăng góp được hơn quan tiền còn lại trong túi, đưa ra tặng ông, rồi hai bên từ-biệt.

Từ đó, ông phải đem thân đi làm thuê, độ nhật.

Năm 18 tuổi, sang học cụ Trạng-Trình. Cụ Trạng là học-trò quan

Bảng Lương-Đắc Bảng sinh ra ông Khanh, nay thấy con thầy có tài, đem lòng quý mến.

Tới khoa thi, ba kỳ ông Khanh đều đậu khôi-nguyên. Vào đình đôi, các quan giám-khảo thấy ông là người Thanh-hóa, đề ông xuống thứ nhì mà nhắc ông Giáp-Hải lên nhất, nên ông bỏ dở không thi nữa. Vì thế, ông Giáp-Hải đỗ Trạng Nguyên.

Sau nhà Lê trung-hưng, với ông Khanh ra làm Thi-Lang, tham-dự quân-quốc trọng-sự. Vì lập được nhiều chiến-công, ông được liệt vào bậc Trung-hưng Công-thần và làm quan đến Binh-bộ Thượng-thư.

Thực là bố lúc phong-trần rày rạn! Trong trần-ai, ai biết mặt công-hầu!

3-) Ông Nguyễn-đang-Đạo, người làng Hoài-bảo, huyện Tiên-du, sư Kinh-bắc, đỗ Trạng-nguyên niên hiệu Chính-hóa (1680-1705) về thời Hậu-Lê, tục danh là ông Trạng Bửu, làm quan đến Tham tưng tước quận-công, lúc thiếu-thời theo thầy ra tận Thang-long học.

Nhưng vì nhà ông bần-bách, không sao lo được tiền du-học ở Kinh-thành, phải ở làng lo làm ăn thêm, nên cứ mờ dốt đã phải dạy mà ra Kinh sớm.

(Còn nữa)

Nhật-nham TRỊNH-NHƯ-TẤU

ĐÃ CÓ BÁN :

ĐÀO-DUY-ANH

*

TRUNG HOA SỬ CƯƠNG

(Từ đời Thát-cổ đến ngày nay, quyển sách đầu tiên viết bằng quốc-văn về lịch-sử Trung-hoa là nước văn-minh xưa nhất Á-đông và đã làm thầy văn hóa cho nước ta trong gần hai mươi thế kỷ)

Giá bán: 8\$00

VÂN-HÒA

29, Maréchal Pétain — Hu.

TRONG văn chương Việt-nam hiện đang có một phong trào triết học : những cuốn sách nghiên-cứu về đời sống và tư-tưởng của các triết nhân đông tây theo nhau xuất hiện rất nhiều : đó cũng là một điều đáng mừng. Tiếc thay, bên một vài tác phẩm có chân giá-trị, phần đông những cuốn sách triết-học bày tại các thư quán chỉ khiến độc giả thất vọng.

Bởi vậy, chúng tôi đã giới những trang đầu của cuốn « Triết học Nietzsche » với một tấm lòng ngổ-vực, thứ nhất là bìa sách mang một tên mới lạ : ông Nguyễn-đình-Thi. Nhưng đọc xong mấy chương đầu, may chúng tôi không đến nỗi thất vọng.

Thực thế, triết-học Nietzsche, dưới ngọn bút của Nguyễn-quân, đã được trình bày một cách khéo léo. Trong một phần thứ nhất, tác giả thuật lại tiểu-sử của Nietzsche và nhân đó vạch rõ cuộc thành hình của tư-tưởng Nietzsche, vì « đời sống của Nietzsche với tư-tưởng ông không thể tách làm đôi được » mà suốt đời, Nietzsche đã chỉ tự đi tìm Nietzsche, « tìm-tôi và phân tích khi còn trẻ » để « kết tinh khi tuổi đã cao, chí đã vững ».

Trong phần thứ hai dành cho cuộc phân tích. Triết học Nietzsche, Nguyễn-quân đã tỏ ra biết dùng một phương pháp rất khoa học : chương đầu cho chúng ta biết « Phương pháp suy luận và dẫn chứng của Nietzsche », chương thứ hai đặt rõ « Những quan niệm căn bản của triết-học Nietzsche », chương thứ ba, chúng ta thấy Nietzsche dùng những quan niệm căn bản ấy để nghiên cứu

ĐỌC
TRIẾT - HỌC
NIETZSCHE
của
Nguyễn - Đình - Thi
TRỊNH-NHIU-NGHÈ

về lịch-sử và xã-hội 'ra sao. Và sau hết, trong chương cuối, « học thuyết siêu nhân » kỳ dị và mạnh mẽ hiện lên, rực-rỡ và sáng-sủa, — sáng-sủa vì đó chỉ là một nhời kết luận hiển nhiên, khi Nietzsche áp dụng những nguyên tắc căn bản của ông vào vấn-đề luân-lý — vấn-đề « hành động ».

Tác giả kết-thúc bằng một phần phê-bình. « Nietzsche với văn chương Pháp », trong đó ông giải thích những tác phẩm của André Gide, — nhà văn đã làm đảo lộn văn học hiện-dại —, của nữ thi-sĩ trứ danh De Noailles, và của những học trò gần xa của Nietzsche.

Song chúng tôi nhận thấy hai điều đáng tiếc : điều thứ nhất là có nhiều chương không được đầy-đủ : chẳng hạn đọc « những quan-niệm căn-bản của Nietzsche » thì thấy hình như còn thiếu sót và những chỗ thiếu sót đó khiến chúng tôi không được hài lòng.

Điều đáng tiếc thứ hai là trong một vài chỗ tác-giả đã hơi vội vàng : nhời văn không chuốt, nhiều khi thiếu liên-lạc thành ra khó hiểu như những giòng sau đây, khi nói đến Nietzsche công kích Wagner, nhà nhạc-sĩ già, người bạn thiết của Nietzsche trong bấy, tam nam trời chỉ vì một sự bất đồng ý mà xa lánh hẳn nhau :

« Wagner thì chỉ thấy người mà ông coi như học-trò, chỉ trích ông, chê-bai tất cả những ý-tưởng của ông, chê-bai cả đến nghệ-thuật của ông, và lòng tự ái bị tổn thương của một nghệ-sĩ độc-đoán vì được hoan-ngheh, lòng tức giận của một người thấy tất cả những sự tin-tưởng của mình bị chỉ-trích bởi một khối óc mà ông, coi là sai-lạc, và hơn nữa iết thương đau-đớn của một ông già vì một hành-động mà ông coi như sự phản-trắc của một người bạn thân đã khiến Wagner bỏ hẳn sự giao-thiệp với người bạn trẻ của ông... » (trang 58).

Và trong đoạn kết phần « Tri thức của Nietzsche » :

«...Trong khi vứt bỏ những cái gì thuộc về người ra khỏi thiên-nhiên, triết-nhân-học nghệ-thuật « thiên-nhiên hóa » con người, nghệ-thuật suy tưởng lịch-sử loài người như một tấn bi-kịch của « bản năng muốn cai quản », nghệ-thuật coi đời sống như một động lực sáng hóa lúc nào cũng tìm cách tự vượt khỏi nó ». (trang 110)

Thêm vào những giòng tối-lâm đó, nhiều đoạn tác-giả chịu ảnh-hưởng của văn-chương Pháp nhiều quá đến nỗi ta có cảm-tưởng như là văn dịch :

« Những vở kịch mà ông viết cho người đầy đủ... » (tr. 45), «...quê hương có một vẻ đẹp mà những người thường không hiểu nổi... » (tr. 73)

Những tiếng « mà » kể trên gặp luôn luôn trong cuốn sách của Nguyễn-quân đều dịch chữ « que »

trong Pháp văn nhiều khi vô ích, có thể bỏ đi mà câu văn không những vẫn còn ý nguyên nghĩa cũ, lại còn thêm gọn-gàng nữa.

Tuy nhiên, toàn thể cuốn sách cũng có đủ hấp lực, khiến người đọc say mê, có lẽ vì triết - lý Nietzsche vốn bông-bột sẵn và thú nhất là có lẽ vì người viết cũng sẵn nhiều tình cảm.

Thực vậy, nếu chúng tôi không lầm thì Nguyễn-quân hẳn còn trẻ tuổi lắm vì nhờ « Triết học Nietzsche » là một nhờ vào sồi nổi tuy cố giữ một bề ngoài bình-thản. Và sau những nhờ phê bình cố giữ vô-tư, chúng tôi nhận thấy một lòng tin tưởng mạnh-mẽ. Bạn đọc thử lướt qua mấy giòng sau đây, sẽ rõ những điều đó :

« Muốn cho người ngày nay có thể trở lại với bản chất của loài người, đạt tới lý-tưởng khỏe và đẹp, khỏe trong linh-hồn và ngoài thân-thể, đẹp trong linh-hồn và ngoài hình thức, phải trả người cho những bản-năng mạnh mẽ, những tình tự mãnh-liệt đã tạo nên một

nhân loại xanh tươi và đầy nhựa sống, trong những ngày niên thiếu của loài người... » (tr. 159).

hay :

« Siêu-nhân là một nghệ-sĩ, thứ nhất là một thi-sĩ, nghĩa là một sinh-vật có cảm hứng dồi-dào và dễ say sưa trước cái đẹp nhưng cái đẹp với siêu-nhân là gì ? — Là tất cả những gì bay cao, mở rộng những gì muôn đốt cháy, những gì sang láng. Và trước mặt trời, siêu-nhân say mê một cách cảm động, cũng như trước sự sống quý báu... Siêu-nhân ca tụng ánh nắng rực-rỡ những buổi sáng, những buổi trưa, với những buổi chiều nặng trĩu những quả... » (tr. 169)

Tấm lòng say mê giúp Nguyễn-quân hiểu dễ-dàng một triết lý say mê. Bởi vậy, những đoạn ông dịch văn Nietzsche cũng hoạt-dộng và đậm thắm :

« Mỗi một khoảnh khắc nuốt sống khoảnh khắc đi trước ; bây giờ giết chết vừa rồi, mỗi một sinh thành là cái chết của không biết bao nhiêu sinh vật : đẻ, sống, và giết chỉ là một... » (tr. 42)

hay :

« Đứa bé nghĩa là thơ-ngây và quên lãng ; đứa bé là một cuộc đời mới và một trò chơi, một cái bánh xe lăn trên chính nó một cử-chỉ đầu tiên, một nhờ khẳng định đáng thờ kính... » (tr. 99)

Bên những đoạn say sưa hoặc cảm-động, chúng ta còn thấy những phương châm mạnh-mẽ :

« Chỉ nên nhận sau khi chọn lọc ! Phải phân biệt khi lấy » (tr. 146), hay « Người là một cái phải được vượt qua » (tr. 157) hay nữa « Ý chí phá xiềng xích vì ý chí sáng tạo, và chỉ được tìm

biết đề sáng tạo... » (tr. 171)

Những câu cách-ngôn đẹp đẽ và huyền-ảo của Nietzsche còn nhiều lắm ; nhưng mấy thí-dụ trên cũng đủ khiến chúng ta đoán được những kho-tàng chứa trong các tác-phẩm của Nietzsche mà Nguyễn-quân đã giới-thiệu cho ta thấy một đôi phần.

Lòng say - mê có thể khiến Nguyễn-quân nhìn nhận sai-lầm những quan-niệm lẫn trong những bài thơ không văn đầy huyền-ảo của Nietzsche. Nhưng không, ông đã được một ý thức chắc chắn về triết-học-sử dẫu-dắt : lý-trí định hướng cho tình cảm ông một cách rõ rệt. Bởi vậy chúng ta thấy ông nhận được rõ đường đi của tư-tưởng nhân loại, và đặt được Nietzsche vào trong lịch-trình tiến-hóa của triết-học một cách xác-đáng. Biết được địa vị của triết-học Nietzsche rồi thì nhìn thấy giá-trị của học-thuyết ấy chỉ còn là một trò trẻ.

Bởi tất cả những lẽ trên đây, cuốn triết học Nietzsche là kết quả của một sự cố-gắng đáng khuyến khích. Tuy không phải là một tác phẩm hoàn toàn, cuốn sách đó ra đời cũng rất hợp-thời và rất xứng đáng nằm trong mọi tủ sách vì nó có một giá-trị khảo-cứu vì tác giả đã nhìn được nhiều điều mới lạ, tuy một đôi khi có hơi bông bột và nhất là nó dẫn chúng ta đến những tư-tưởng kỳ-ảo, những tư tưởng khiến chúng ta muốn cùng bà Noaille nói :

« Ôi cái đẹp của thời khắc bầu trời của tất cả các xứ.

Ôi những cuộc phiêu lưu thơ tiên tiếng gọi của những thạ xa lạ !

TRỊNH-NHU-NGHĨA

Tissus locaux

ÉTABLISSEMENT CAO-DOT

Chuyên bán buôn và nhận đặt khoán các thứ hàng nội-hóa như :

Douppion, Shan-tung, Faux, shangtung, Lin, Faux tropical-Tussor, Tussor demi-soie, Toile de soie, de rayonne, Toile tailleur, bao tải đựng ngô, gạo, vãn vãn.

Nơi giao dịch :

Thư bảo đảm và bưu phiếu xin gửi về cho M. Bùi Thọ Cao :

12 Rue Strasbourg
HAIPHONG

Muốn lấy mẫu, xin gửi 0 \$ 50 bằng timbre để làm cước phí.

NAM - ĐÀN - BÁT - CHÂU TỤC - THẢO

Số 14

Tác-giả : TÙNG-VÂN đạo-nhân

XXVIII

Tự-thuật, bài thứ nhất (Thơ soạn)

Khoa Binh-ngọ, viết thơ Đào-lý;
Phú Vĩ-kiều, thi đỗ Tú-tài.

Phong-lưu vốn sẵn tính trời,
Pha nghề quất hạnh, đủ mùi
trúc ty.

Bút thư-hoa, có khi có lúc,
Bạn Nghi, Vũ hi thánh, hi hiền.
Thỉnh-linh cao-các bước lên,
Ngon bút sắt mới góp trên
tao-dàn.

Chú thích

Khoa Binh-ngọ. — Hồi vua Thành-Thái nam thứ 18 (1906), trường Hà, trường Nam hợp thi; đầu bài thơ « Đào-lý tân-âm », phú « Vĩ-kiều lập-thạch ». Người đỗ giải-nguyên là ông Phạm-Tư-Trực, người tỉnh Thái-bình. Nam ấy tiền-đạo tuổi 29, xã-hội đã bắt đầu có tân-thư xuất-hiện, do người Tàu lưu-hành sang, sĩ-phu đã có một số người chán lối khoa-cử, đọc sách Khang, Lương. Chính như tiền-đạo cũng nhận Lương-Khải-Siêu là một vị « Bắc-phương-giai-nhân ».

Quất-hạnh. — Quất tỉnh, hạnh viên, mĩ-hiệu của nhà lương-y về môn thuốc bắc. Nghề làm thuốc cũng là một nghề cứu-vớt đồng-bào xã-hội, cho nên bắt đầu kỷ-hội.

Trúc-ty. — Tiếng trúc, tiếng ty, cuộc vui của bộ nữ-nhạc về thú Đông-sơn. Tạ-An đòi Tân thường kỹ-nữ du Đông-sơn. Tuy-nhiên, bác thường kỹ-nữ cũng có phần cỏi, kim, tình-thần, vật chất. An lại thì si-quần-tử đòi với dâm-vanh mĩ-sắc, đều nên tránh xa.

Thư, họa. — Thư là nghề viết, họa là nghề vẽ, đều là nghề mỹ-thuật của Đông-phương. Nghề viết thì lấy bút-pháp Lan-dĩnh-thiếp làm tối-tinh; nghề vẽ thì lấy họa-học Giới-tử-viên làm hoàn-mỹ.

Nghi, Vũ. — Sách Luận-ngữ: học-trò đức Khổng là thầy Tang-Điền nói chi: « Thảng mộ-xuân, cùng bạn quán-dồng tắm nước sông Nghi, hóng gió dài Vũ-vu, ca-vịnh rồi về ». Nói cái lạc-thú của con nhà học đạo thánh-hiền. Tây-hồ-tụng: « Trảng Phụng-thiên sản thú Nghi, Vũ » (học-trò lớn là hạng quán-giả, học-trò nhỏ-bé là hạng đồng-tử).

Cao-các bước lên. — Nói Hán-học đã phế, bọn nhà nho đã về nghi. Tấn-sử: « Thử bối nghi thúc chi cao-các », nghĩa là lũ ấy nên xếp ở gác cao.

Ngon bút sắt mới. — Bút lông đã thoát thai ra bút sắt, văn-đàn hồi ấy Việt-văn đã là phần chính, Hán-văn chỉ là phần phụ. Bài hát nói « Bút lông, bút sắt »: « Thốn-tâm thiên-cổ-sự, đã chơi văn cho phải biết tình văn; lông chi cừu, đổi sắt chi tân, lông với sắt càng thêm lý-thú. . . » (Lời hát nói ấy nguyên là tác-giả tự soạn, từng đăng về mục « Phỏng-cổ hải-văn » trong báo Nam-phong, nay xin trích ra mấy câu đề tiện đường giải-thích.

Tự-thuật, bài thứ hai (thơ soạn)

Chữ « lão bệnh » vốn chữ nhân
trong lục-địa,
Cảnh thần-tiên theo già, rẽ
mùa.

Hồi đầu giấc mộng vi-nho:

Khang, Lương là thế, Trinh,
Chu những gì?
Đông-bích giữ lễ dăm đụn sách;
Nam-phong ghi điệu mấy cung
đàn.

Tấm thân rầy đã thanh nhàn,
An trả nợ đền, còn tập « Quốc-âm ».

Chú thích:

Lão bệnh. — Tiền-đạo tuổi 54, bắt đầu mắc bệnh thất-minh, đang ở cái thế-giới lồi-lỗi lạc-lạc, chợt hớ sang cái thế-giới ảo-minh, đến nay kể đã 12 năm. Nhưng trái lại thì tiền-đạo vẫn tự cho mình là một kẻ thiếu-niên-tiên trong đạo-học-giới, Quốc-âm-giới.

Khang, Lương. — Khang-Hữu-Vi hiệu là Nam-Hải. Lương-Khải-Siêu hiệu là Âm-Bang, là hai nhà văn-hào về hồi Đại-Thanh Quang-tự mới đây, bắt đầu thâm-nhập Thái-tây tư-tưởng học-thuyết, đề-xướng phong-trào duy-tân ở Trung-hoa. Phái nhà Nho ở Nam-Á chịu ảnh-hưởng rất nhiều.

Trinh, Chu. — Trinh-Hiệu hiệu là Minh-Đạo, Trinh-Di hiệu là Y-Xuyên, Chu-Hi hiệu là Hối-Am, đều là các vị danh-nho nhà Tống. Anh em họ Trinh phục-hưng lối học « Chính tâm, tu thân, tề-gia, trị quốc » của Khổng, Mạnh; họ Chu tập chư-nho chi đại-thành; đời sau gọi là Tống-nho học-thuyết. Học-thuyết của Tống-nho đã từng đứng về cái địa vị tôn qui ở Đông-Á khoảng ngót một nghìn năm, đến nay vẫn còn giá-trị.

Tập « Quốc-âm ». — Tức là tập « Nam-dàn bát-châu thi-thảo », mục đích là phục-hưng lấy cách điệu Nam-âm, thâu-thái lấy pháp-độ Đường-luật, ngũ-hầu đối với văn-học lịch-sử quốc-âm sau này, đến bởi được mnôn một vậy.

(sẽ tiếp)

Hà-đông HI-ÁN-THI

Bản sách dẫn về : Đại-Nam liệt-truyện

Số 14

Tho-Xuân LÊ-VĂN-PHÚC

TÊN, HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ QUAN	Tập (1)	Quyển	Trang	NÓC HỒ
KIẾM 建 Nguyễn mậu		Nam định, Trục định	N	42	14a	Sau thuộc Thái bình, nay không còn.
KIẾT 吉 Đỗ xuân	tự Bá trình	Thanh hóa, Hoàng hóa	N	42	7a	cũng đọc Cát.
KIẾT » Nguyễn gia		Bắc ninh, Văn giang	S	27	21a	
KIẾT » Nguyễn thế	tự Thế bảo	Nghệ an, Đông thành	N	40	3a	
KIỀU 喬 Đặng văn	tự Tông niên	Hà tĩnh, Thạch hà	N	38	24a	
KIỀU » Nguyễn cửu		Thanh hóa, Qui huyện	T	4	1b	
KIM 金 Nguyễn thị		Bắc ninh, Lương tài	S	29	9b	
KÍNH 鏡 Nguyễn hữu		Thanh hóa, Qui huyện	T	3	43a	cũng đọc Cảnh
KÍNH 敬 Phạm hữu		Quảng nam, Diên phước	T	5	28b	cũng đọc Kinh
-21-						
KH						
KHÁCH 客 Ngô thị		Biên hòa	N	44	9a	
KHẢI 啓 Đặng		Bắc ninh, Văn giang	N	26	19b	
KHẢI 凱 Đặng văn		Hà tĩnh, Thạch hà	N	41	11b	
KHẢI 啓 Võ phạm	tự Đông dương	Ninh bình, Yên mô	N	31	7b	
KHAM 堪 Nguyễn tư		Bắc ninh, Đông ngạn	N	35	18a	con Nguyễn tư Giản
KHẮNG 康 Mai sĩ	nguyên họ Nguyễn	Thanh hóa, Nga sơn	S	29	1b	
KHÁNH 慶 Trần đình		Quảng trị, Minh linh	T	5	25a	
KHÁNH » Võ		Huế	S	6	15b	con Võ Tánh
KHIÊM 謙 Nguyễn doãn		Thừa thiên, Hương trà	S	12	11b	
KHIÊM » Nguyễn văn		Thừa thiên, Phong điền	S	13	11a	
KHIÊM » Ông ích	tự Mục chi	Quảng nam, Diên phước	N	31	18b	vì bị quốc hùỵ đổi là Kiêm
KHOA 科 Đoàn văn		Biên hòa, Phước chánh	S	13	28b	nay là vùng châu thành
KHOA » Hồ văn		Biên hòa, Long thành	S	13	25a	/ và Tân uyển
KHOA » Lê dâng		Gia định	S	19	15a	
KHOA » Nguyễn văn		Khánh hòa	N	42	19b	
KHOAN 寬 Bùi		không biết	S	13	28a	thờ tại Hiền trung từ
KHOAN » Nguyễn khắc		Quảng bình, Lệ thủy	S	19	3b	
KHOAN » Phạm văn		Biên hòa, Long thành	S	16	23a	
KHOAN » Trần đức		không biết	S	10	10a	mộ tại Gia định
KHOÁNG 曠 Bùi quang		Quảng trị, Hải lang	N	41	2b	
KHOÁNG 曠 Nguyễn danh	hữu danh Luận	không biết	T	5	41b	bị hại tại Cà mau
KHỔ 庫 Không biết họ		Thanh hóa, Qui huyện	T	4	26b	đàng lờ Bùi công Kế
KHỎI 傀 Lê văn	nguyên họ Bế	Cao bằng	N	45	1a	
KHỎI 傀 Tống văn	cũng gọi Nguyễn cửu	Gia định, Bình dương	T	4	25b	
KHỎI 圮 Nguyễn huy	tự Hòa khanh	Thanh hóa, Hoàng hóa	N	34	7a	
KHUÊ 奎 Doãn		Nam định, Thư trì	N	33	4b	nay thuộc Thái bình
KHUÊ » Đặng hữu		Thừa thiên, Phú vang	N	41	10b	Tổng mục chép Đặng w
KHUÊ » Hồ văn		Thừa thiên, Hương trà	N	16	7a	
KHUÊ 圭 Tạ hữu	tự Thoại phủ	Nghệ an, Đông thành	N	29	18b	
KHUÊ 奎 Văn đức	tự Mỹ phủ	Nghệ an, Quỳnh lưu	N	35	19b	
KHUÔNG 匡 Nguyễn dâng		Thừa thiên, Hương trà	T	5	12b	
KHUÔNG » Tống phước		Thừa thiên	S	5	2a	

1) T : Tiền biên, S : Sơ tập, N : Nhị tập

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 10

NGUYỄN HUY TƯỜNG

Một khi đã làm con rề ta thì ai dám phạm đến.

— Đó là thiếp lo xa cho em, vì nó chỉ có chúa-thượng che-chở, mà quân thù thì khắp cõi kinh-thành, nhất là quan Hộ-thành mới.

— Như ý ái-khanh ta nên cất chức Nguyễn-Mại?

Tàu chúa thượng, thiếp dám đâu có ý ấy. Chỉ xin chúa thượng rủ lòng thương dè em tiện-thiếp mà che chở cho chu-duo.

— Ý ái-khanh muốn thế nào? Ta không che chở cho con rề thì che chở cho ai?

— Em thiếp có cái lệ hay xuất-du. Những lúc ấy thân cô thế cô, thiếp lo cho nó lắm. Cha mẹ tiện thiếp sinh có nó là trai, có mệnh hệ nào thì là mất giống. Vậy xin chúa-thượng ban cho nó mấy chữ đề vào biển hay cờ, đề cho thiên hạ sợ uy chúa thượng mà không dám phạm đến nó.

Chúa cười và nói:

— Ái-khanh sốt, nên nghĩ lắm nhảm. Ái-khanh cứ yên tâm ta tự đảm nhận việc ấy.

— Trăm sự tiện-thiếp nhờ chúa thượng cả. Tiện thiếp phận ngu, chỉ vì quá thương em, nên mới quấy nhiễu chúa-thượng, xin chúa thượng lượng tình cho.

IV

Đêm hội Long Trì đã hết, chỉ còn trơ nỗi liếc mong trong lòng quận-chúa. Khi canh gà tợn rã, một hồi trống đánh kết-thúc đêm vui, Quỳnh Hoa như người choáng lĩnh một giấc mộng đẹp. Nàng còn ngáy ngất. Na Tĩnh-Đô hỏi nàng bằng giọng ng-chiêu:

Con ta về cung chứ?

Nàng tâu:

Rước phụ-vương xuống thuyền. Mặt nàng eo vể bờ phờ sau một

đêm không ngủ. Mắt nàng chìm trong giấc mộng qua. Nàng hồi tưởng lại cảnh mơ-màng trong đêm hội, những đèn muôn sắc, những trái giả-sơn, những hàng quán, nàng hình ảnh cuộc thi văn-chương, vẻ phong lưu nho nhã của Bảo-Kim, và như cái máy, nàng đọc mấy câu hay nhất trong bài phú Long-trì.

Chúa hỏi:

— Con còn luyến tiếc cuộc vui sao?

Nàng thẹn do mặt, cúi gằm xuống. Chúa nói:

Lại đợi đến sang năm,

Quỳnh-Hoa giết mình. Nàng vẫn vơ có cái ý nghĩ không vui:

— Sang năm tức là không bao giờ nữa!

Nàng càng thấy luyến tiếc đêm qua, một đêm thần tiên của trầu thề. Hình ảnh chàng công tử hào-hoa lại hiện rõ trong trí nàng. Rồi liên tưởng, nàng nghĩ đến cái hôm, nhân một ngày xuân tươi đẹp, nàng theo Thái phi ra chùa Trấn quốc làm lễ. Vừa ở kiệu phượng bước xuống, nàng đã bắt gặp đôi mắt mơ màng của chàng họ Nguyễn. Và trong suốt buổi lễ, nàng có cảm tưởng như chàng thành niên nho nhã kia vẫn chăm chú nhìn nàng.

Thuyền ngự cập bến, cuộc vui hoàn toàn kết liễu. Quỳnh Hoa còn thần thơ chưa nở rời chán. Chúa mắng yên:

— Con gái, cha hư quá!

E nhẽ nhờ, làm phật ý con, vì ngài biết nàng rất hay nghĩ ngợi, chúa Tĩnh-Đô nói tiếp ngay:

Con về cung nghỉ nhé, cả một đêm không ngủ hại người lắm đấy. Con vẫn uống thuốc đấy chứ?

Tân phụ vương, con đã nghĩ rồi, quốc mẫu bảo con đừng cao.

— Quốc mẫu sành thuốc hơn cha, và đừng cao dở lắm, con ạ.

Chúa và Tuyên phi sập lên xe. Nàng quỳ lạy cha và cúi chào Tuyên phi. Thấy nàng lúng lúng mãi không lên được xe, chúa bước xuống xe mình, chạy lại đỡ nàng, khiến cho nàng cảm động rưng rưng nước mắt. Chúa thân đây cho xe đi và bao nàng:

— Con về nhé.

Nàng quay lại còn thấy cha ân cần nhìn theo, Tuyên phi cũng cố ý làm ra mặt lưu luyến, nhưng với biết bao nhiêu giá dối!

Sinh trưởng giữa một nơi phú quý tột bậc, nàng là một người hay buồn nhất trần-gian. Có lẽ vì cơ thể nàng yếu yếu, nhưng cũng vì cảnh ngộ đời nàng. Mới đẻ ra nàng đã mồ côi mẹ, không được hưởng chút săn sóc của từ mẫu. Cha nàng thương nàng rất mực, nhưng ngài thường bận việc nước, lại say đắm tửu sắc, không mấy lúc nhãng cuộc truy hoan; vì thế, nàng thấy cha xa cách quá. Mỗi tháng, họa may mới được gặp một lần. Đột nhiên nàng lại tức giận những kẻ thế chán mẹ nàng, đã làm cho chúa quên cả người quá cố. Nàng thâm oán uyên phi, người đã bước lên đầu thang sủng ái, và hiện nay chiếm đoạt cả linh hồn cha nàng. Người đàn bà tuyệt sắc kia lại là một con yêu tinh nham hiểm và dâm dặt. Chính người ấy đã xui Chúa làm bao nhiêu điều bạc dục chinh người ấy đã làm cho chúa mang oán với thần dân, chinh người ấy đã làm cho gia đình chúa mất cả vẻ đầm ấm vui vầy. Tất cả lòng ghen nổi ghét lại nổi dậy trong lòng người thiếu nữ...

Về đến cung riêng, nàng tắm rửa nước thơm, thay quần, đổi áo. Hai con thị nữ mà nàng yêu nhất và đã đặt tên cho là Ái Thi và Ái Nhạc đến dâng quà điểm tâm. Nàng ăn qua loa, rồi lên giường nằm nghỉ.

Nhưng mắt không sao chớp đi được, tuy người nàng mỏi rần.

Hình-ảnh Nguyễn Bảo-Kim lại hiện ra với tất cả vẻ hào-hoa phong nhã. Nàng lấy bức lụa, đọc đi đọc lại bài phú Long trì... chợt Ái Thi quý bên giường, dâng nàng một bức lụa và thưa :

— Bẩm, khi quận chúa ra về, chung con xếp dọn đồ đạc, thấy ở cạnh cây liễu ở trước cửa hàng có một bức lụa có chữ đề, phấp phơ bay theo gió. Chúng con vội đem trình quận chúa.

Nàng đón lấy mảnh lụa. Thoạt nhìn nàng đã biết rõ là chữ ai rồi. Nàng đưa mắt đọc, thì là ba bài từ tuyệt mà chung thanh niên thi sĩ, với một lời van trang nhã và ý nhị, đã viết đề tặng nàng. Nàng tán dương tài sắc quận chúa và đề lộ trong chín vần cả một tấm tình luyến ái thiết tha. Nàng đọc càng thấy hay, châu ngọc mỗi lúc một hiện ra, như từ trong một kho tàng vô tận trong khi bên tai nàng, trong lòng nàng, đang rạo một điệu nhạc du dương. Quận chúa chấp chờn trong giấc mộng... Nàng thiếp đi, bâng khuâng trong một thế giới đầy hoa thơm cỏ đẹp, và vang lừng những tiếng sênh ca.

Chợt nàng rú lên một tiếng hãi hùng. Thị nữ đỡ lại. Quận chúa mở bừng mắt ra, thở dài, trào lệ sung sướng, miệng nhoẻn cười trước một mái tóc bạc phơ. Đây là quốc-mẫu, mẹ chúa Tĩnh-Đô, bà ruột nàng. Thái phi ôm lấy cháu, hỏi :

— Cháu làm sao đó ?

Nàng thưa :

— Bà đến lúc nào, cháu không biết ! Cháu vừa có một giấc mê sơ lam, bà ạ !

Nàng ôm lấy Quốc-mẫu, người thân nhất trong đời nàng, người đã nuôi dạy nàng, và trong một tương-hợp đều ở gần nàng, người đã tận tâm san-sóc nàng trong những lúc nàng ốm thập tử nhất sinh, người cùng nàng chung một mối giận đời với Tuyên phi họ Đặng.

Quốc mẫu sờ ngực nàng, vuốt tay cháu gái và nói, giọng hiền từ và thấm thía đến tận đáy lòng :

Cháu cứ nghĩ lan than, cũng vì thế mà mộng với mình luôn luôn. Bà đã bảo từ hôm qua, cháu không nên ra chơi hội Long trì, người đa yêu, ta phải giữ gìn. Cháu không nghe bà !

— Bà đừng giận cháu nhé. Bà giận thì ai còn yêu cháu. Bà ơi ! Trong hội cháu gặp chàng Đặng-Lân, em Tuyên-phi. Cháu vừa nằm mê thấy nó đánh cháu.

— Ai đánh được cháu bà. Bà thì rần tan xác nó ra. Đây bà đã bảo cháu cứ hay nghĩ nên mơ, mơ mộng. Nó làm gì được mà cháu sợ. Nàng thuật lại câu chuyện ở Long trì, và nói tiếp :

— Chàng Đặng-Lân bây giờ nó không kiêng nể ai nữa. Nó cậy thế Tuyên phi, làm nhiều điều tàn ác, các quan đại thần cũng phải gờm nó.

Chỉ lại cha cháu Bà can hông được.

Và hai bà cháu trong căn phòng tĩnh mịch nói chuyện mãi về chưa Tĩnh-Đô, về Tuyên-phi, về Đặng-Lân, sau rốt về Nguyễn Bảo-Kim và Người Mẹ.

Quốc-mẫu thở dài :

— Không trừ được chị em họ Đặng, thì loạn mất, cháu ạ.

Hai người nhìn nhau cùng chung một mối lo luôn.

Ái ngờ cái ác mộng của quận chúa lại thành sự thực. Tim phụ vương nghe lời Tuyên phi nhận ý nàng cho Đặng-Lân làm cho nàng lễ tại. Tại cả triều đình và phủ liêu, trừ chúa Tĩnh-Đô và Tuyên phi, ai nấy đều sợ hãi. Tim quận trọng hơn những tin đặc thắng ở phương Nam.

Quận chúa đi đi lại lại trong phòng. Nao giận cha, nao tức Tuyên phi, nao ghét Đặng-Lân, nao thương Bảo-Kim, nàng không sao đứng nguyên được một chỗ, ruột sôi như bão. Các thị nữ, Ái Thi và Ái Nhạc đều ngơ ngẩn không hiểu làm sao lại có sự ga ban lự lòng này, nhất là họ biết chúa đang đe dọa kén rể cho quận chúa.

Họ nói :

Không có lý nào. Có lẽ ngài bị con rể họ Đặng cho ăn bả uế người mới có sự nhầm lẫn này ?

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯỜNG

MUỐN HIỂU ĐẾN NƠI ĐẾN CHỖN

MỘT DANH-TỪ, MỘT THÀNH-NGŨ, MỘT MÔN HỌC THUẬT

Các bạn cần phải đọc tập tài-liệu

BÁCH KHOA ĐẠI-TỪ-ĐIỂN của Quốc-Học Thư-Xá

Đón coi tập SỬ-HỌC của cụ Lại-Bộ PHẠM-QUỲNH

RÊ! HAY! ĐẸP!

đó là 3 cái đặc - điểm các sách của thư - xã

Alexandre de Rhodes

Trong lúc những vật-liệu về ấn-loát đều đắt mà các sách của bản-xã lại bán rẻ là cốt ý để quốc-dân ai ai cũng có thể mua được.

—*—

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho

Nhà in MAI-LINH — Hanoi

Tổng phát-hành

MỜI XUẤT BẢN**KIM - VÂN - KIỀU**

Theo bản Pháp văn của ông **Nguyễn-văn-Vĩnh** 330 trang khổ 17×23 có nhiều tranh ảnh. Theo thời giá phải bán trên 4 \$ 00 mới có lãi mà Loại giấy thường bán có 2 \$ 00 (cước 0 \$ 54) Loại đặc biệt 7 \$ 00 (cước 0 \$ 60)

Lược-khảo Việt-Ngữ

Một bài khảo cứu có giá trị của ông **Lê-văn-Nưu** đã được giãt thưởng của báo *Patric Annamite* (ngót 100 trang). Loại thường bán có 0 \$ 50 (cước 0 \$ 32). Loại đặc biệt 4 \$ 00 (cước 0 \$ 47)

SẮP XUẤT BẢN**Thơ Ngụ ngôn**

La Fontaine

Pháp văn và bản dịch của ông **NGUYỄN-VĂN-VĨNH**. Mỗi bài đều có nhiều tranh ảnh của **MANH-QUỲNH** (150 trang) khổ to 17×23. Loại thường bán có 1 \$ 00 (cước 0 \$ 40). Loại đặc biệt bán có 5 \$ 00 (cước 0 \$ 54)

NHỮNG SÁCH CỦA**Lê-Thăng xuất bản**

Imprimerie du Nord

133. Rue du Coton, Hanoi

- 1) Tiền học Việt nam văn phạm giáo khoa thư Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1p 25
- 2) Việt nam văn phạm, Trần-trọng-Kim 3p. 00
- 3) Grammaire Annamite Trần-trọng-Kim 4p. 00
- 4) Phật lục, Trần-trọng-Kim, 0p. 80
- 5) De Hanoi à la Courtine Phạm-duy-Khiêm 1p. 50

ĐANG TÁI BẢN

Nho giáo, Trần-trọng Kim, 5 quyển. Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt. toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

1— Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15%.

NGÔ TẤT TỐ**THI VĂN****BÌNH CHÚ**

QUYỀN THỨ I : 1 \$ 20

QUYỀN THỨ II : 1 \$ 50

Đã xuất-bản trong « Tủ sách Tao-Đàn »

Một bộ sách văn học có giá trị hợp tập được hết tất cả những bài văn thơ có giá trị từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX. Bình chú rất công phu. Sách in cực đẹp.

NHÀ XUẤT BẢN HÀN THUYỀN

Đã có bán

THANH NIÊN
và THỰC NGHIỆP
 của LÊ-VĂN-SIÊU

Mua cuốn sách đề luận về các cách dùng mình, dùng người, dùng hoàn cảnh thời vận để được thành công trên đường thực-nghiệp. Dày 230 trang—Giá : 2\$00. Mua một cuốn gửi thêm 0\$40 cước đảm bảo, không gửi lãnh hóa giao ngân

Sắp phát hành**NHÂN LOẠI**

tiến hóa sử

của NGUYỄN BACH KHOA

Khảo rãt kỹ càng về cuộc tiến hóa của loài người từ thượng cổ đến hiện đại